

HỌC VIỆN ĐA MINH

Ban Tổng Đồ

**NHỮNG NỀN TẢNG
ĐỨC TIN CÔNG GIÁO**

NĂM 2006

Bài 1

CON NGƯỜI

CÓ KHẢ NĂNG ĐÓN NHẬN THIÊN CHÚA

Trong thâm tâm mỗi người, ai cũng muốn hạnh phúc và hạnh phúc mãi mãi. Nhưng đâu là hạnh phúc đích thật và trường cửu cho con người ? Một bạn trẻ giàu có đã đến hỏi Đức Giêsu: “*Lạy Thầy nhân lành, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm gia nghiệp ?*” (Mc 10,17). Câu hỏi của người bạn trẻ giàu có ngày xưa, về ý nghĩa và mục đích của đời sống vẫn mãi là câu hỏi cho mỗi con người chúng ta hôm nay.

1. Mục đích đời người

“Tôi sống ở đời này để làm gì” ? Con người luôn luôn suy nghĩ, băn khoăn về chính mình, và không ngừng tự hỏi: tôi từ đâu đến ?, tôi sống để làm gì ?, tôi sẽ đi về đâu ?... Đó là những câu hỏi không ngừng tra vấn con người, và bao lâu còn sống, con người vẫn còn bị ray rứt.

Con người của bất cứ thời nào, lứa tuổi nào cũng đều khao khát hạnh phúc. Và vì thế, mọi người đều tìm kiếm hạnh phúc. Phải chăng hạnh phúc của con người ở nơi tiền bạc, danh vọng, hưởng thụ, tiện nghi... Nhưng trong thực tế có biết bao người đạt được danh vọng cao, tiền bạc chất đống... mà hạnh phúc vẫn hoài khuất bóng, thay vào đó là thái độ luôn chán chường, thất vọng. Họ luôn khao khát một điều gì khác hơn, cao hơn, và không bao giờ thấy đủ cho chính mình.

Nếu con người sống mà không biết mục đích để làm gì, thì cuộc sống đó không còn ý nghĩa nữa. Như vậy, tìm hiểu mục đích của đời sống con người là một vấn đề tối ư quan trọng đối với mỗi người chúng ta.

Theo Thánh Kinh: ngay từ thuở ban đầu, *“Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ”*(St 1,27). Được sáng tạo giống hình ảnh Thiên Chúa, con người tự bản chất là một tạo vật có tôn giáo, xuất phát bởi Thiên Chúa và đi về với Người. Con người có mối tương quan hiệp thông với Thiên Chúa và Thiên Chúa không ngừng lôi kéo con người lại với Người. Chính vì thế, con người tận sâu thẳm của tâm hồn mang nỗi khát mong Thiên Chúa, vì chỉ nơi Thiên Chúa, con người mới tìm thấy chân lý, hạnh phúc đích thực và vĩnh cửu của con người. Cảm nhận được chân lý này, Thánh Augustino đã kêu lên : *“Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên con và lòng con khắc khoải cho tới khi tâm hồn con được an nghỉ trong Chúa”*

Như vậy, mục đích của đời người, hay đúng hơn là đời người Kitô hữu , là tìm kiếm và gặp gỡ Thiên Chúa, vì Người là hạnh phúc đích thực cho con người.

2. Con người có khả năng nhận biết Thiên Chúa

Con người có thể nhận biết Thiên Chúa qua: thiên nhiên vạn vật, và trật tự trong vũ trụ.

Thiên Chúa dù là Đấng thiêng liêng, không thể xác, nhưng con người vẫn có khả năng nhận biết Người vì Người đang tỏ mình cho con người : *“Những gì người ta có*

thể biết về Thiên Chúa, thì thật hiển nhiên trước mắt họ, vì chính Thiên Chúa đã cho họ thấy rõ” (Rm 1,19).

Do đó, con người được mời gọi nhận biết và yêu mến Thiên Chúa, nên những ai chân thành tìm kiếm Người, họ sẽ khám phá ra một số “con đường” giúp nhận biết Người.

a. Con đường vũ trụ thiên nhiên

Lý trí con người khi nhìn xem vũ trụ vạn vật và trật tự lạ lùng của nó, đã phải nhìn nhận có một Đấng quyền năng vô biên sáng tạo nên. Tất cả vẻ đẹp của vũ trụ này là một lời tuyên xưng mạnh mẽ về Đấng đã dựng nên nó. Nó khơi gợi trong lòng người sự thán phục, tâm tình chúc tụng và biết ơn đối với Đấng là nguyên lý của mọi sự.

*“Trời xanh tường thuật vinh quang Thiên Chúa
Không trung loan báo việc tay Người làm” (Tv 18,2).*

b. Con đường lương tâm

Ngoài sự gặp gỡ Thiên Chúa bằng con đường chiêm ngắm vũ trụ, con người còn có thể gặp được Thiên Chúa khi trở về nơi sâu kín trong lòng mình. Đi vào chiều sâu của tâm hồn, với sự cởi mở đón nhận chân lý và cái đẹp ; với lương tâm nhạy bén phân biệt điều lành lành, điều dữ, với tự do, biết chọn lựa... con người luôn mang trong mình nỗi khao khát mà không có gì có thể lấp đầy được. Một nỗi khao khát vô biên, không chỉ là vật chất, mà còn vượt lên trên, đó là khao khát tìm về Chân - Thiện - Mỹ.

Ý thức mình có lương tâm, có tự do, ý chí, đồng thời khát khao vươn tới vô biên, vĩnh cửu... Tất cả những điều này giúp con người khám phá ra sự hiện diện của linh hồn thiêng liêng bất tử phát xuất từ nguồn gốc duy nhất là Thiên Chúa hằng hữu.

Như thế, vũ trụ chung quanh và chiều sâu tâm hồn đã trở thành những con đường đưa dẫn con người tìm về Đấng là nguyên lý tiên khởi và cứu cánh tối hậu cho con người và mọi sự.

c. Con đường mặc khải

Nhờ những năng lực của mình, con người có thể nhận biết sự hiện hữu của Thiên Chúa, nhưng để cho con người có thể sống thân mật với Người, Thiên Chúa đã muốn mặc khải chính mình cho con người và ban cho họ khả năng đón nhận mặc khải ấy trong đức tin.

Vì thế, Thiên Chúa đã đến với con người bằng một con đường khác: *con đường mặc khải*. Chính vì yêu thương, Thiên Chúa đã tỏ mình cho con người, để con người có thể gặp gỡ, nhận biết và yêu mến Người. Nhờ đó, con người được trở nên con Thiên Chúa và được sống đời đời.

Vậy, giữa con người và Thiên Chúa có mối quan hệ rất mật thiết và sâu xa, nhưng mối quan hệ này có thể bị lãng quên hay bị chối từ. Thái độ ấy có thể phát xuất từ nhiều nguyên nhân :

Nguyên nhân khách quan như tình trạng sự dữ trên thế giới, khiến nhiều người phải nhận dung mạo Thiên Chúa tình thương. Hoặc ảnh hưởng không thuận lợi do những trào lưu tư tưởng nghịch tôn giáo và cả gương xấu của đời sống người Kitô hữu .

Nguyên nhân chủ quan như quá bận tâm về của cải, hưởng thụ vật chất, và thoả mãn lạc thú, khiến nhiều người thờ ơ lãnh đạm và trốn tránh tiếng gọi của Thiên Chúa. Trước tình trạng ấy, người Kitô hữu phải can đảm lên đường tìm kiếm Chúa với tất cả con người và cuộc sống của mình. Đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn người khác trong hành trình tìm kiếm.

Bài 2

THIÊN CHÚA ĐẾN GẶP CON NGƯỜI

Ở bài trước, chúng ta đã biết con người có thể nhận biết Thiên Chúa. Tuy nhiên, khả năng đó có giới hạn, nhất là vì tội lỗi đã làm cho tâm hồn con người trở nên điên đảo, nên con người chỉ có thể nhận biết được Thiên Chúa cách chính xác nhờ chính Thiên Chúa mặc khải (tỏ mình) cho con người.

1. Mặc khải là gì ?

Theo nghĩa đen, mặc khải là vén màn. Nhờ vén màn, ta thấy được những vật đã có từ trước nhưng dấu ẩn bên trong. Mặc khải là Thiên Chúa vén màn, hé mở cho con người biết các mầu nhiệm của Người.

Về phương diện tôn giáo : Mặc khải là lời Thiên Chúa nói với con người để tự giới thiệu về mình. Nói rõ hơn, mặc khải là hành động yêu thương của Thiên Chúa tỏ mình ra để cho con người biết Người là ai, Người muốn gì ... Nhờ đó, con người có thể đến với Thiên Chúa và hiệp thông với Người để được ơn cứu độ.

Mặc khải là ơn ban của Thiên Chúa. Chính vì yêu thương mà Thiên Chúa tự tỏ mình để con người biết về Người, để con người có thể gặp gỡ, nhận biết, và yêu mến Người. Lời Thiên Chúa sẽ còn vang lên mãi cho những ai biết chân thành lắng nghe và khao khát đón nhận. Tuy nhiên,

giữa Thiên Chúa và con người vẫn có một khoảng cách, Người phải dùng nhiều hình thức và qua nhiều giai đoạn mặc khải để con người có thể từ từ nhận biết Thiên Chúa.

2. Cách thức và các giai đoạn mặc khải

a. Cách thức mặc khải

Khi mặc khải cho con người, Thiên Chúa dùng ngôn ngữ, cảm nghĩ của con người để bày tỏ chính mình.

Vì yêu thương, Thiên Chúa đã tự ý đến với con người qua Ngôi Lời Nhập thể với ngôn từ loài người và ngỏ lời với con người. Lịch sử dân Israel đã thành lịch sử thánh, lịch sử của ơn cứu độ, vì được Thiên Chúa dùng để mặc khải, và thực hiện chương trình cứu độ của Người.

b. Những giai đoạn mặc khải

Trong suốt dòng lịch sử, Thiên Chúa mặc khải chính mình qua công trình sáng tạo (vạn vật), đặc biệt là qua con người vốn là hình ảnh của Thiên Chúa.

Thiên Chúa đã sống thân mật với ông bà nguyên tổ, Người ban cho hai ông bà sống chan hoà với vạn vật, và hạnh phúc với nhau. Thế nhưng, hạnh phúc đó không được lâu bền. Ông bà đã lạm dụng tự do, không trung thành với tình yêu Thiên Chúa, phạm tội và phản bội Người... Dù vậy, Thiên Chúa không bỏ rơi con người, Người vẫn tìm đến và hứa ban Đấng Cứu Thế. Lời hứa đó được Thiên Chúa nhắc lại và củng cố qua giao ước với Noê, và tổ phụ Abraham. Sau Abraham, Giacóp, Giuse, đến Môsê, dân Israel được Thiên Chúa tuyển chọn và lập giao ước với họ.

Qua giao ước Sinai, Thiên Chúa ký kết với dân Ngài một giao ước. Người ban cho họ mười giới luật và đòi buộc họ phải chu toàn.:*“Nếu các người thực sự nghe tiếng Ta và giữ giao ước của Ta, thì giữa hết mọi dân, các người sẽ là sở hữu riêng của ta. Vì toàn cõi đất đều là của Ta. Ta sẽ coi các người là một vương quốc tư tế, một dân thánh”*(Xh 19,5-6).

Lần lượt trong nhiều thời đại hưng thịnh cũng như suy đồi của dân Israel, Thiên Chúa đã nói với dân của Người qua các ngôn sứ để chuẩn bị họ đón nhận Đấng cứu thế, mà Người đã hứa ban cho toàn thể nhân loại.

Bằng đường lối sư phạm tuyệt hảo đó, Thiên Chúa đã mặc khải chính mình dần dần theo thời gian, để con người có thể sẵn sàng đón nhận Đức Giêsu, Con Một Thiên Chúa là mặc khải trọn vẹn.

Phụng vụ Thánh lễ nhắc lại chiều dài lịch sử của mặc khải như sau :*“Khi con người mất tình nghĩa với Cha vì tội bất phục tùng, Cha cũng không đành bỏ mặc cho sự chết thống trị. Quả thế, Cha đã thương cứu giúp mọi người để những ai tìm Cha đều gặp Cha. Hơn nữa, nhiều lần Cha đã giao ước với loài người và dùng các ngôn sứ mà dạy cho biết đợi chờ ơn cứu độ”*(Kinh Tạ Ơn IV).

c. Đức Giêsu là mặc khải trọn vẹn

Đức Giêsu là Ngôi Lời Thiên Chúa Nhập thể làm người. Người là lời sống động duy nhất xác thực của Thiên Chúa. Chỉ có Đức Giêsu mới là Đấng duy nhất có đủ tư cách và khả năng để mặc khải, vì Người là Con Một, hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha. *“Không ai đã thấy*

Thiên Chúa bao giờ ; nhưng Con Một là Thiên Chúa, và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha, chính Người đã tỏ cho chúng ta biết”(Ga 1,18).

- Đức Giêsu là mặc khải sung mãn, vì nơi Người ứng nghiệm mọi lời ngôn sứ, và Người thực hiện trọn vẹn Lời Hứa, lời Giao Ước.

- Mặc khải nơi Đức Giêsu là mặc khải dứt khoát, đạt tới tận chóp đỉnh “*Ai tin thì được cứu độ*”(Mc 16,16).

Đặc biệt nơi biến cố núi Sọ, Đức Giêsu đã chết và đã sống lại để mặc khải tình yêu cứu độ sung mãn của Thiên Chúa. Đây là đỉnh cao của mặc khải và là mặc khải trọn vẹn. Đức Giêsu là Lời tròn đầy sung mãn, và duy nhất của Chúa Cha đối với nhân loại nên sẽ không còn gì vượt trên sự viên mãn đó nữa.

Vì yêu thương, Thiên Chúa đã trao ban cho nhân loại Người Con Một dấu yêu, để dẫn đưa nhân loại về với Thiên Chúa, mặc khải cho nhân loại biết Thiên Chúa, để được sống hiệp thông với Người. “*Nhiệm cục Kitô giáo, vì là Giao Ước mới và vĩnh viễn, sẽ không bao giờ mai một, chúng ta không phải chờ đợi một mặc khải công khai nào khác nữa trước khi Đức Giêsu, Chúa chúng ta hiện đến trong vinh quang*”(DV 4)

3. Đón nhận mặc khải của Thiên Chúa

Thiên Chúa vẫn không ngừng mặc khải cho con người và tiếp tục nói với nhân loại qua mọi thời đại. Lời Thiên Chúa sẽ còn vang lên mãi cho những ai biết chân thành lắng nghe và khao khát đón nhận. Do đó, Người Kitô hữu cần phải :

- Có một tâm hồn khiêm tốn để đón nhận T.C.
- Năng đọc và suy gẫm lời Chúa trong Thánh Kinh.
- Biết đọc và nhận ra sứ điệp Chúa gửi tới qua dấu chỉ thời đại (qua thiên nhiên, qua những những người gặp gỡ trong cuộc sống, qua những tôn giáo ngoài Kitô giáo...)

Câu hỏi :

Tại sao nói : “Đức Giêsu là mặc khải trọn vẹn, ngoài Người ra còn mặc khải nào khác” ?

Bài 3

CÁCH THỨC LƯU TRUYỀN MẶC KHẢI

Trong cuộc đời rao giảng Tin Mừng, Đức Giêsu, Con Thiên Chúa đã mặc khải cho con người biết về Thiên Chúa. Người cho họ biết : Thiên Chúa là ai và Người muốn gì?

- Thiên Chúa là Đấng sáng tạo và quan phòng ; đồng thời Người cũng là một người Cha. Người Cha của cả nhân loại. Một người Cha đầy lòng nhân hậu, và hay xót thương. Con người được mời gọi đến và sống hiệp thông với Người.

- Vì tội lỗi mà con người mất tình nghĩa với Thiên Chúa. Nay qua Đức Giêsu, Thiên Chúa ban ơn cứu chuộc cho họ. Người dùng chính cái chết và sự phục sinh của mình để cứu chuộc con người.

Toàn bộ mặc khải của Thiên Chúa tối cao được hoàn tất nơi Đức Giêsu. Sau khi thực hiện và công bố Tin Mừng đã được các ngôn sứ tiên báo, Người đã truyền dạy các tông đồ *“Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em”*(Mt 28,20), đồng thời ban cho họ những hồng ân của Thiên Chúa.

1. Những cách thức lưu truyền mặc khải

a. Cách thức lưu truyền

- **Thánh Truyền** : Bằng lời giảng dạy, gương lành và các thể chế, các tông đồ đã truyền lại những gì các Người đã nhận lãnh từ Đức Giêsu khi chung sống với Người và thấy Người hành động, hoặc đã học biết được nhờ Chúa Thánh Thần gợi hứng.

Như vậy, Thánh Truyền là mặc khải của Thiên Chúa mà Đức Giêsu đã trao phó cho các Tông đồ và các Đấng kế vị để các Người gìn giữ, trình bày và rao giảng cách trung thành.

- **Thánh Kinh**: Các tông đồ còn thi hành mệnh lệnh của Đức Giêsu bằng văn tự *“Dưới sự linh hứng của cùng một Chúa Thánh Thần, các tông đồ và những người phụ tá của các ngài đã viết lại Tin Mừng cứu rỗi”* (DV 7).

+ **Cựu Ước** : Mặc khải được các tổ phụ, các ngôn sứ truyền đạt, được bày tỏ trong lịch sử dân Do Thái, dân riêng của Chúa và được các thánh ký ghi chép dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần.

+ **Tân Ước** : Mặc khải được chính Đức Giêsu sống, rao giảng bằng lời nói và việc làm. Các tông đồ đã nhìn tận mắt, đã sờ tận tay, đã chiêm ngưỡng và đã loan báo sau khi Chúa về trời, được các tác giả ghi lại thành sách.

Như vậy, Thánh Kinh là sách ghi chép mặc khải của Thiên Chúa dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần. Nhờ đó, *“những lời giảng dạy của các tông đồ được đặc biệt ghi lại trong các sách linh hứng phải được bảo tồn và lưu truyền liên tục cho đến tận thế”* (DV 8).

b. Tương quan giữa Thánh Kinh và Thánh Truyền

- Điểm tương đồng

Cùng nguồn mạch và cùng mục đích. Thánh Truyền và Thánh Kinh “*liên kết, phối hợp mật thiết với nhau, vì cả hai phát xuất từ cùng một nguồn mạch là Thiên Chúa và cùng hướng về một mục đích là để cứu rỗi con người*”.

- Điểm khác biệt

Có hai cách lưu truyền mặc khải khác nhau

+ Thánh Kinh : Lời Chúa được ghi chép lại dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần.

+ Thánh Truyền : chứa đựng Lời Thiên Chúa mà Đức Giêsu và Chúa Thánh Thần đã uỷ thác cho các tông đồ, và lưu truyền toàn vẹn cho những người kế nhiệm các ngài, để nhờ Thánh Thần chân lý soi sáng, họ trung thành gìn giữ, trình bày và phổ biến qua lời rao giảng.

Cả hai hợp thành kho tàng thánh thiện, duy nhất chứa đựng Lời Chúa. Vì thế, Thánh Kinh và Thánh Truyền đều phải được đón nhận và tôn kính bằng một tâm tình quý mến và kính trọng như nhau (DV 9).

2. Phục vụ mặc khải

a. Huấn quyền

Đức Giêsu đã trao kho tàng mặc khải này cho Hội Thánh bảo tồn và giải thích. Đó là Huấn quyền, tức là quyền giáo huấn của Hội Thánh.

Lời Chúa được chứa đựng trong Thánh Kinh và Thánh Truyền là gia sản đức tin của Hội Thánh. Do đó, *“nhiệm vụ giải nghĩa cách chân chính Lời Chúa đã được viết ra hay lưu truyền chỉ được uỷ thác cho Huấn quyền sống động của Hội Thánh và Hội Thánh thi hành quyền đó nhân danh Đức Kitô”*(DV 10), nghĩa là được uỷ thác cho những giám mục sống hiệp thông với giám mục Roma là người kế nhiệm thánh Phêrô.

Tuy nhiên, *“Huấn quyền không vượt trên Lời Chúa nhưng phải phục vụ Lời Chúa, nên chỉ dạy những gì đã được truyền lại. Theo lệnh Chúa với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, Huấn quyền thành tâm lắng nghe, gìn giữ cách thánh thiện và thành tín trình bày Lời Chúa. Và từ kho tàng đức tin duy nhất ấy, rút ra mọi điều phải tin như là mặc khải của Thiên Chúa”*(DV 10).

Huấn quyền thực thi trọn vẹn quyền bính nhận từ Đức Giêsu khi định tín, tức là khi công bố, dưới hình thức buộc dân thánh phải tin, những chân lý được chứa đựng trong mặc khải khi công bố một cách xác định dứt khoát những chân lý có liên hệ tất yếu với các chân lý đó.

b. Thái độ của người Kitô hữu khi dự phần lưu truyền mặc khải

Người Kitô hữu đón nhận giáo huấn của Huấn quyền trong tinh thần đức tin : tin rằng Chúa Thánh Thần tác động trên các tác giả viết Thánh Kinh, cũng chính Chúa Thánh Thần hoạt động trong truyền thống sống động của Hội Thánh, và cũng chính Chúa Thánh Thần đang tác động trên Huấn quyền nhằm hướng dẫn các tín hữu và cứu rỗi các linh hồn (DV 10).

Với chúng ta, chính khi áp dụng Lời Chúa vào cuộc sống là chúng ta tham dự vào việc lưu truyền mặc khải, vì sống như thế, chúng ta biết góp phần xây dựng thân thể mầu nhiệm Hội Thánh hoàn hảo hơn, nhất là cần phải khiêm tốn lắng nghe lời chỉ dạy của Hội Thánh.

Mọi tín hữu đều tham dự vào ơn hiểu biết và việc lưu truyền chân lý mặc khải. Họ được Thánh Thần xúc dầu, chính Người dạy dỗ và dẫn họ tới chân lý toàn diện.

Ngoài ra, mọi tín hữu là một cuốn Thánh Kinh không phải ghi bằng chữ viết, nhưng bằng hành động đúng với Lời Chúa. Người Kitô hữu khi sống đúng Lời Chúa, sẽ trở thành cuốn “Sách Thánh” sống động loan báo cho mọi người biết về tình yêu thương cứu độ của Thiên Chúa như lời Đức Giêsu mời gọi: *“Anh em là ánh sáng cho trần gian”*(Mt 5,14).

Bài 4

THÁNH KINH

Để mặc khải chính mình cho loài người, Thiên Chúa đã đoái thương dùng ngôn ngữ loài người mà nói với họ: *“Lời của Thiên Chúa, diễn đạt bằng ngôn ngữ nhân loại, trở nên giống tiếng nói loài người, cũng như khi xưa Ngôi Lời của Cha hằng hữu đã trở nên giống như con người khi mặc lấy xác phàm yếu đuối của chúng ta”*(DV 13). Con người có thể nhận biết Thiên Chúa và sống thân mật với Người nhờ việc đọc, suy niệm và sống Lời Chúa được ghi trong Thánh Kinh.

1. Thánh Kinh, sách ghi Lời Chúa

a. Thiên Chúa là tác giả của Thánh Kinh

Nhìn từ bình diện nhân loại, Thánh Kinh là tổng hợp những tác phẩm của nhiều tác giả nhân loại. Họ là những con người cụ thể, sống trong một thời đại nhất định với những vấn đề của thời đại và có những khả năng riêng biệt. Tuy nhiên, khi đọc Thánh Kinh, người Kitô hữu lại tuyên xưng *“Đó là Lời Chúa”*, vì họ xác tín rằng chính Thiên Chúa là tác giả của Thánh Kinh.

Thiên Chúa đã linh hứng cho các tác giả nhân loại viết các Sách Thánh. *“Để soạn các Sách Thánh đó, Thiên*

Chúa đã chọn những con người và dùng họ với đầy đủ các khả năng và phương tiện của họ, để khi chính Người hành động trong họ và qua họ, họ viết ra như những tác giả đích thực tất cả những gì Chúa muốn, và chỉ viết những điều đó thôi”(DV 11).

b. Chúa Thánh Thần, Đấng giải nghĩa Thánh Kinh

Trong Thánh Kinh, Thiên Chúa nói với con người theo cách thức loài người. Vậy, để hiểu Thánh Kinh cho đúng, người Kitô hữu phải cẩn thận tìm hiểu điều các thánh ký thật sự có ý trình bày và điều Thiên Chúa muốn.

- Để khám phá “ý định của các thánh ký”, chúng ta phải quan tâm đến các thể văn được sử dụng, cũng như những cách thức cảm nghĩ, diễn tả, tường thuật được thịnh hành trong khung cảnh thời đại đó (DV 12).

- Thánh Kinh đã được viết ra bởi sự linh hứng của Chúa Thánh Thần nên cũng phải được đọc và giải thích trong sự linh hứng của Ngài (DV 12,3).

* Nhưng phải lưu ý đến “*nội dung và sự thống nhất của toàn bộ Thánh Kinh*”, bởi vì Thánh Kinh bao gồm nhiều tác phẩm nhưng lại duy nhất trong kế hoạch của Thiên Chúa và Đức Giêsu chính là tâm điểm của toàn bộ Thánh Kinh.

* Phải “*dựa trên truyền thống sống động của toàn thể Hội Thánh*” bởi vì Hội Thánh lưu giữ trong truyền thống sống động của mình, ký ức sống động về Lời Chúa, và chính Chúa Thánh Thần hướng dẫn Hội Thánh trong việc giải thích Thánh Kinh.

* Phải quan tâm đến “sự tương hợp của đức tin”, nghĩa là sự nối kết giữa các chân lý đức tin với nhau và với toàn bộ kế hoạch của Thiên Chúa.

c. Qui điển Thánh Kinh

Dựa vào truyền thống tông đồ, Hội Thánh ấn định danh mục những sách được nhìn nhận là Sách Thánh. Danh mục đó được gọi là Qui điển Thánh Kinh, gồm 46 sách Cựu Ước và 27 sách Tân Ước.

Cựu Ước là một phần của Thánh Kinh không thể thiếu được. Các sách Cựu Ước được T.C linh hứng luôn có giá trị vĩnh cửu (xc. DV 14) vì giao ước cũ không hề bị thu hồi.

Tuy có nhiều khuyết điểm và còn tạm bợ nhưng các sách ấy minh chứng khoa sư phạm đích thực của Thiên Chúa nhằm chuẩn bị và tiên báo ngày xuất hiện của Đức Giêsu, Đấng cứu chuộc muôn loài. Đồng thời, các sách ấy diễn tả một cảm thức sâu sắc về Thiên Chúa, tàng trữ những lời giáo huấn cao siêu về Người, những tư tưởng khôn ngoan và hữu ích về đời sống con người, những kho tàng kinh nguyện tuyệt diệu, đồng thời ẩn chứa mầu nhiệm cứu rỗi. Vì thế, người Kitô hữu phải tôn kính các sách Cựu Ước như Lời chân thật của T.C.

Các sách Tân Ước chứa đựng Lời Thiên Chúa “*Lời được trình bày các tuyệt diệu. Lời diễn tả quyền năng Thiên Chúa và là sức thiêng cứu rỗi mọi tín hữu*”(DV 17). Tâm điểm của các sách Tân Ước là Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa làm người : các hành vi, giáo huấn, cuộc tử nạn và phục sinh vinh hiển của Người, cũng như giai đoạn đầu của Hội Thánh dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần.

Trong các Sách Thánh, sách Tin Mừng chiếm vị trí quan trọng, vì sách Tin Mừng là chứng tá chính yếu về đời sống và giáo lý của Đức Giêsu. Vì thế, Hội Thánh tôn kính sách Tin Mừng cách đặc biệt trong cử hành phụng vụ.

d. Đức Giêsu, trọng tâm của toàn bộ Thánh Kinh

Thánh Kinh chứa đựng lời của Thiên Chúa. Tuy nhiên, xuyên qua mọi lời được viết trong Thánh Kinh, Thiên Chúa bày tỏ với con người chương trình cứu độ của Người trải qua trong lịch sử nhân loại. Chương trình ấy do Đức Giêsu thực hiện. Nói cách khác, Thiên Chúa chỉ nói một lời duy nhất, chính Đức Giêsu, Lời duy nhất của Người “*Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời. Ngôi Lời vẫn hướng về Thiên Chúa, và Ngôi Lời là Thiên Chúa*”(Ga 1,1).

Để con người được hiểu biết, đón nhận và đáp trả lời mời gọi của mình, Thiên Chúa đã ngỏ lời với con người bằng ngôn ngữ của con người, không chỉ nơi các ngôn sứ trong Cựu Ước, mà sau này Lời của Chúa Cha là Đức Giêsu đã đến với con người bằng cách trở nên giống như con người “*Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta*” (Ga 1,14). Vì thế, Đức Giêsu là mặc khải trọn vẹn và sung mãn. Toàn bộ Thánh Kinh Cựu Ước và Tân Ước đều qui hướng về Đức Giêsu, vì Người đến thực hiện kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa, ứng nghiệm điều Cựu Ước đã chuẩn bị và loan báo qua các ngôn sứ mà cao điểm là mầu nhiệm Tử nạn và Phục Sinh.

2. Thái độ đối với Thánh Kinh

a. “*Không biết Thánh Kinh là không biết Đức Kitô*” (St. Giêrônimô). Người Kitô hữu cần tập thói quen tiếp xúc với chính bản văn Thánh Kinh, hoặc khi tham dự

Thánh lễ hoặc trực tiếp đọc bản văn Thánh Kinh hoặc học hỏi bằng những phương thế khác... ngõ hầu Lời Chúa trở sinh hoa trái nơi tâm hồn mỗi người.

b. Và để Lời Chúa trở sinh hoa trái, việc đọc Thánh Kinh phải đi đôi với kinh nguyện và việc thực thi Lời Chúa. Kinh nguyện đưa ta vào cuộc đối thoại với Thiên Chúa, vì *“khi cầu nguyện, ta ngỏ lời với Người ; khi đọc các sách ngôn thần linh, ta nghe Người nói”* (St Amrôxiô). Đồng thời phải tập sống Lời Chúa, vì Đức Giêsu đã cảnh giác : *“Không phải bất cứ ai thừa với Thầy : Lạy Chúa! Lạy Chúa, là được vào Nước Trời cả đâu. Nhưng chỉ những ai thi hành ý muốn của Cha Thầy là Đấng ngự trên trời, mới được vào mà thôi”*(Mt 7,21).

Bài 5

CON NGƯỜI ĐÁP LỜI THIÊN CHÚA

Nhờ mặc khải, “do tình yêu vô biên, Thiên Chúa ngỏ lời với con người như với bạn hữu. Người đối thoại với họ, để mời gọi cho họ hiệp thông với Người”. Đức tin là lời đáp trả thích đáng của con người trước lời mời gọi của Thiên Chúa.

Nhờ đức tin, con người đem tất cả trí khôn và ý chí của mình suy phục Thiên Chúa. Con người đặt trọn bản thân qui thuận Đấng mặc khải là Thiên Chúa. Thánh Kinh gọi cách đáp trả này là “sự vâng phục bằng đức tin”.

1. Thái độ vâng phục đối với Lời Thiên Chúa

Vâng phục trong đức tin là tự nguyện vâng phục lời đã nghe, bởi vì chân lý của lời đó được Thiên Chúa là chính Chân Lý bảo đảm. Thánh Kinh trưng dẫn ông Apraham như là gương mẫu của sự vâng phục. Đức Maria là người thể hiện lòng vâng phục ấy cách hoàn hảo nhất.

“Nhờ đức tin, ông Apraham đã vâng nghe tiếng Chúa gọi mà ra đi, đến một nơi ông sẽ được lãnh nhận làm gia nghiệp, và ông đã ra đi mà không biết mình đi đâu”(Dt 11,8). Nhờ đức tin, ông đã sống như kẻ xa lạ và người lữ hành trong đất hứa. Nhờ đức tin, bà Sara đã thụ thai người con của lời hứa. Cuối cùng, nhờ đức tin, ông Apraham đã dâng hiến con một mình làm hy lễ.

Vì tin rằng, “*đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể được*”(Lc 1,37) nên Đức Maria đã đón nhận lời của sứ thần loan báo và đoan hứa, và tỏ lòng ưng thuận : “*Này tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói*”(Lc 1,38).

Trong suốt cuộc đời, và cho giờ thử thách cuối cùng, khi Đức Giêsu Con của Mẹ chết trên Thánh giá, đức tin của Mẹ không lay chuyển. Mẹ không ngừng tin rằng lời Chúa sẽ “*ứng nghiệm*”. Chính vì thế, Hội Thánh tôn kính Mẹ là Người đã thể hiện đức tin tinh tuyền nhất.

Như thế, người Kitô hữu hiểu được vâng phục đức tin là gắn bó bản thân với Thiên Chúa, tự nguyện đón nhận tất cả những chân lý mặc khải, đồng thời để Thiên Chúa làm chủ và hướng dẫn đời mình.

2. Đặc điểm đức tin

a. Đức Giêsu nói với Phêrô: “*...không phải phạm nhân mặc khải cho anh điều ấy, nhưng là Cha của Thầy...*” (Mt 16,17). Do đó, đức tin trước hết, là *hồng ân* Thiên Chúa ban tặng cho con người, chính Thiên Chúa đã đi bước trước và trợ giúp từ bên trong. “*Người thúc đẩy và qui hướng con tìm về cùng Thiên Chúa, mở mắt lý trí và làm cho mọi người cảm thấy dịu ngọt khi đón nhận và tin theo chân lý*” (DV 5).

b. Đức tin là một hồng ân nhưng *Tin* cũng là *hành vi của con người*. Ân sủng của Thiên Chúa không huỷ diệt khả năng hiểu biết và ý chí tự do của con người, nhưng soi sáng, nâng đỡ và mời gọi họ cộng tác. Chính vì thế, “*Đức tin tìm kiếm hiểu biết*”(St. Anselmo), hiểu biết nhiều hơn về Đấng mình tin và những chân lý Người mặc khải, một

hiểu biết sống động khiến con người gắn bó với Thiên Chúa nhiều hơn.

c. Đức tin còn là *hành vi tự do*, vì “*Thiên Chúa tôn trọng phẩm giá của con người do chính Người tạo nên, con người ấy phải được tự do và được hướng dẫn theo chính phán đoán của mình*”(TD 11). Trong cuộc sống trần thế, “*Đức Giêsu đã trợ giúp và chứng thực lời giảng thuyết của Người bằng những phép lạ, để khơi dậy và củng cố lòng tin của thánh giả, nhưng Người không hề gây áp lực để cưỡng ép họ*”(TD 11).

d. Cuối cùng, đức tin là sự gắn bó toàn diện con người với Thiên Chúa, nên không thể chỉ dừng lại ở những hiểu biết suông mà phải dẫn tới hành động. Thánh Giacôbê nói : “*đức tin không có hành động là đức tin chết*”(Gc 2,17), nghĩa là người Kitô hữu cần phải sống đức tin trong cuộc sống hàng ngày.

Điều thiết yếu của đức tin là đưa con người đến ơn cứu độ của Thiên Chúa. Ôn cứu độ sẽ hoàn thành trong ngày sau hết nhưng ngay từ bây giờ, đức tin cho ta nếm hưởng ánh sáng vĩnh cửu, “*bảo đảm cho những điều ta hy vọng*”(Dt 11,1). Vì thế, đức tin là khởi điểm của đời sống vĩnh hằng.

3. Đức tin có tính cách cá nhân và cộng đoàn

Đức tin là hành vi cá nhân hiểu như lời đáp trả tự do của mỗi người trước lời mời gọi của Thiên Chúa ; đồng thời, đức tin cũng là một quà tặng được đón nhận từ cộng đoàn Hội Thánh và đến lượt mình người Kitô hữu cũng phải trao ban cho người khác.

Những chân lý đức tin mà Hội Thánh trao ban và dạy dỗ không phải là những công thức vô hồn, nhưng là phương thế giúp ta đạt đến chính Thiên Chúa và ơn cứu độ muôn đời. Và bởi vì *“Chỉ có một Chúa, một niềm tin, một phép Rửa. Chỉ có một Thiên Chúa, Cha của mọi người”* (Ep 4,5-6), nên xuyên qua mọi không gian và thời gian, trong nhiều nền văn hoá khác nhau và bằng nhiều ngôn ngữ của các dân tộc, Hội Thánh chỉ tuyên xưng một đức tin duy nhất.

4. Người Kitô hữu sống đức tin

a. Mỗi người Kitô hữu cần xây dựng cho mình một đức tin mang tính cá vị, hiểu như một chọn lựa tự do và ý thức trước tiếng gọi của Thiên Chúa, chứ không chỉ là đức tin mang tính truyền thống gia đình.

b. Đức tin là lời đáp trả của con người toàn diện trước tiếng gọi của Thiên Chúa. Con người toàn diện ấy bao gồm cả lý trí, tình cảm, ước muốn, và hành động. Vì thế, để sống đức tin, người Kitô hữu không chỉ dừng lại ở những hiểu biết thuần lý, nhưng phải bước vào đời thờ phượng và luân lý. Nhờ cầu nguyện, ta gặp gỡ chính Đấng mà ta tin. Và niềm tin đích thực được thể hiện qua đời sống hằng ngày. *“Căn cứ vào điều này, chúng ta nhận ra rằng chúng ta biết Thiên Chúa: đó là chúng ta tuân giữ các điều răn của Người”* (1 Ga 2,3).

c. Hội Thánh không những chỉ sinh chúng ta ra trong đức tin, nhưng còn nuôi dưỡng và làm cho đức tin mỗi cá nhân lớn lên. Như vậy, người Kitô hữu phải sống đức tin trong Hội Thánh. Qua các cử hành phụng vụ và

bí tích, Hội Thánh không những diễn tả niềm tin của mình mà còn giáo dục đức tin cộng đoàn dân Chúa, làm cho đức tin mỗi người lớn lên và đạt tới tầm vóc viên mãn. Đó là lý do mà người Kitô hữu được mời gọi trung thành và đều đặn với các buổi họp cử hành phụng vụ, để đức tin mỗi người được tăng trưởng, đồng thời góp phần xây dựng đức tin của anh chị em khác.

Bài 6

THIÊN CHÚA DUY NHẤT

Khi chúng ta tuyên đọc: *“Tôi tin kính một Thiên Chúa là Cha toàn năng...”*, là nói lên niềm tin của chúng ta vào một Thiên Chúa duy nhất đã được mặc khải trong Sách Thánh qua các tổ phụ (Apraham, Issaac, Giacóp) và nhất là qua những gì Đức Giêsu mặc khải về Người.

1. Chỉ có một Thiên Chúa

a. Thiên Chúa duy nhất

- Niềm tin vào Thiên Chúa duy nhất bắt đầu từ trong Cựu Ước. Khi Thiên Chúa kêu gọi và chọn Israel làm dân riêng và thiết lập giao ước, Người tỏ cho dân thấy *“Hôm nay, anh em phải biết và để tâm suy niệm điều này: trên trời cao cũng như dưới đất thấp, chính Đức Chúa là Thiên Chúa, chứ không có thần nào khác nữa”*(Đnl 4,39).

- Trong giao ước Sinai, điều răn quan trọng nhất mà mọi con cái Israel phải tin và tuân giữ là :*“Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, đã đưa ngươi ra khỏi Ai Cập, khỏi cảnh nô lệ. Ngươi không được có thần nào khác đối nghịch với Ta”*(Đnl 5, 6).

- Dân Israel là dân riêng của Thiên Chúa, họ chỉ tôn thờ một mình Người mà thôi. Vì thế, mọi ngày họ phải đọc

lời sau đây :*“Nghe đây, hỡi Israel ! Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất. Hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, hết lòng, hết da, hết sức anh em. những lời này tôi truyền cho anh em hôm nay, anh em phải ghi tạc vào lòng”*(Đnl 6,4-6).

Niềm tin của Cựu Ước vào Thiên Chúa duy nhất đã được chính Đức Giêsu tái xác nhận cách chính thức khi một luật sĩ hỏi Người :*“Thưa Thầy, trong lề luật, giới răn nào trọng nhất”*. Đức Giêsu nói với người ấy *“Người phải yêu mến Đức Chúa là Thiên Chúa người hết lòng, hết linh hồn, và hết trí khôn người”*(Mc 12,30). Đức Giêsu xác định Thiên Chúa là *“Đức Chúa duy nhất”*, và phải yêu mến Người”*hết lòng, hết linh hồn, hết tâm trí và hết sức lực người”*. Đồng thời, Người cũng cho ta hiểu chính Người là *“Đức Chúa”*. Tuyên xưng *“Đức Giêsu là Đức Chúa”* là đặc tính của đức tin Kitô giáo. Điều này không trái ngược với đức tin vào một Thiên Chúa Duy Nhất. Tin vào Chúa Thánh Thần là *“Đức Chúa và là Đấng ban sự sống”* không đưa đến một sự phân chia nào nơi Thiên Chúa Duy Nhất.

Như vậy, chỉ có một Thiên Chúa và ngoài Người ra không có Thiên Chúa nào khác, và ta phải thờ phượng một mình Người mà thôi (xc. Mt 4,10).

b. Thiên Chúa mặc khải tên Người

- *Thiên Chúa hằng sống* : Thiên Chúa gọi Môsê từ giữa bụi gai đang cháy nhưng không tàn lụi. Người nói với Môsê: *“Ta là T.C của cha ông người, T.C của Apraham, T.C của Isaac, T.C cả Giacóp”*(Xh 3,6). Người là Thiên Chúa trung tín và giàu lòng thương cảm, luôn nhớ tới họ và

các lời Người đã hứa ; Người đến để giải thoát con cháu khỏi ách nô lệ. Người là vị Thiên Chúa có khả năng và muốn thực hiện ý định đó.

- “*Ta là Đấng Hiện Hữu*” Thiên Chúa mặc khải danh thánh mình là “*Đấng Hiện Hữu*” thì cũng tự mặc khải mình như vị Thiên Chúa luôn hiện diện, có mặt bên cạnh để giải cứu dân mình.

Danh xưng “*Đấng Hiện Hữu*” diễn tả Thiên Chúa vượt xa tất cả những gì con người có thể hiểu biết nhưng đồng thời Người cũng rất gần gũi con người. Thánh danh “*Đấng Hiện Hữu*” quả quyết rằng : chỉ mình Thiên Chúa hiện hữu, bất biến. Người có từ trước muôn đời và hằng có mãi mãi. Người tự mình mà có, không do ai tạo thành.

- Đức Giêsu đã quả quyết rằng : Người cũng mang tên gọi thần linh, khi hiến mình giải thoát chúng ta trên Thập giá : “*Khi các ông giương cao Con Người lên, bấy giờ các ông sẽ biết là Tôi Hằng Hữu*” (Ga 8,28).

c. Thiên Chúa là Chân lý và Tình yêu

- Thiên Chúa là Chân lý, Người không thể lừa dối, luôn trung thành thực hiện các lời đã hứa : “*Chúa thành tín trong mọi lời Chúa phán, đầy yêu thương trong mọi việc Người làm*” (Tv 145,13). Tội lỗi của ông bà nguyên tổ chính là nghi ngờ về tính chân thật và lòng trung thành của Thiên Chúa ; Con Thiên Chúa xuống thế làm người “*là để làm chứng cho sự thật. Và ai đứng về phía sự thật thì nghe tiếng Thiên Chúa*”(Ga 18,37).

- Thiên Chúa không chỉ là chân lý mà còn là tình yêu. Trải qua dòng lịch sử, Israel đã khám phá ra rằng :

họ được Thiên Chúa mặc khải và tuyển chọn, hoàn toàn vì tình yêu thương nhưng không của Người. Cũng chính vì tình yêu đó, Người đã không ngừng giải thoát và tha thứ những bất trung của dân được chọn *“Ta đã yêu người bằng mối tình muôn thuở, nên Ta vẫn dành cho người lòng xót thương”*(Gr 31,3). Tình yêu của Thiên Chúa đi đến tột đỉnh khi Người trao ban Con Một cho con người *“Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời”*(Ga 3,16).

- Mặc khải Tân Ước đã đi xa hơn, đi tới ngọn nguồn khi xác quyết :*“Thiên Chúa là tình yêu”*(1 Ga 4,8). Bản thân Thiên Chúa là tình yêu trao đổi giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần ; Người muốn và ban khả năng cho ta thông phần vào tình yêu này, nên đã sai Con Một và Thánh Thần tình yêu đến với con người.

2. Sống niềm tin vào Thiên Chúa duy nhất

a. Thờ phượng

Đứng trước Thiên Chúa cao cả và bí nhiệm, con người khám phá ra mình bé nhỏ, hèn kém và tội lỗi. Sự cao cả, siêu việt của Thiên Chúa mời gọi con người tin tưởng, thông phần vào vinh quang với Người. Môisê, dù thấy mình bất tài, ông vẫn được Thiên Chúa sai đi để trở thành vị cứu tinh của dân Thiên Chúa (xc. Xh 4,10-12) ; Phêrô đã nhận ra sự giới hạn, hèn kém của mình trước quyền năng của Đức Giêsu *“Lạy Chúa, xin tránh xa con, vì con là kẻ tội lỗi”* (Lc 5,8-11). Nhưng sau đó, ông và các bạn đi theo Chúa làm môn đệ.

Thái độ căn bản thường xuyên của người Kitô hữu là khiêm tốn. Sự khiêm tốn giúp ta nhận ra và sống bản chất đích thực của mình mà tôn thờ Thiên Chúa cho phải đạo. Thái độ và tâm tình khiêm tốn chỉ có được tuy ở mức độ con người gặp gỡ Thiên Chúa.

b. Cảm tạ

Thiên Chúa cao cả vô song đã đoái thương tỏ mình ra cho con người, cho họ biết Danh Thánh của Người, và ngỏ lời với họ như bạn hữu. Trước tấm lòng ưu ái của Thiên Chúa, tâm tình hợp lý và chính đáng của con người phải là tri ân cảm tạ, như lời của thánh Phaolô :*“Hãy tạ ơn trong mọi hoàn cảnh. Anh em hãy làm như vậy, đó là điều Thiên Chúa muốn trong Đức Kitô Giêsu”*(1 Tx 5,18).

c. Nhận biết phẩm giá đích thực của con người

Từ thái độ nhận biết Thiên Chúa duy nhất là Đấng sáng tạo con người giống hình ảnh Người, ta nhìn ra phẩm giá đích thực của mọi người để yêu mến, phục vụ.

d. Sử dụng đúng đắn các tạo vật

Chính Thiên Chúa, Đấng quyền năng đã sáng tạo mọi loài mọi vật nên ta phải biết tôn trọng các tạo vật vì tất cả là hồng ân của Chúa ban. Hơn nữa, chúng ta còn phải biết vận dụng tất cả tạo vật trở nên lời ca tụng Thiên Chúa :*“Trời xanh tường thuật vinh quang Thiên Chúa, không trung loan báo việc tay Người làm”*(Tv 18,2).

e. Nhận biết và tin tưởng vào Thiên Chúa

Nhận biết Thiên Chúa là Đấng quyền năng và yêu thương nên biết đặt trọn niềm tin vào Thiên Chúa như Đức Maria, như Apraham vì :*“Đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được”*(Lc 1,37).

Tóm kết

Tin là hành vi của con người có ý thức và tự do. Tin qui chiếu vào hai điểm: Đấng mặc khải và chân lý mặc khải. Do đó, đức tin là hồng ân siêu nhiên Thiên Chúa ban cho con người dưới sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần.

Trong Cựu Ước, Thiên Chúa đã mặc khải tên của Người: “Đấng hiện hữu”, tức mặc khải lòng trung tín, *giữ lòng nhân nghĩa qua với muôn ngàn thế hệ* (Xh 34,7).

Và qua Đức Giêsu, chúng ta biết Thiên Chúa là người Cha yêu thương và mọi người đều là anh chị em của nhau. Là con, chúng ta phải có bốn phận hiếu thảo và tín thác vào Cha; là anh chị em, chúng ta liên đới, hiệp thông, chia sẻ và giúp đỡ nhau trong tình thương của Cha.

Câu hỏi

Thánh Gioan tông đồ đã xác tín: “Thiên Chúa là tình yêu”(1 Ga 4,8). Theo bạn, người Kitô hữu cần phải làm gì để tin nhận chân lý này ?

Bài 7

THIÊN CHÚA LÀ CHA CON VÀ THÁNH THẦN

Chúng ta tuyên xưng chỉ có một Thiên Chúa duy nhất, nhưng đồng thời nhờ ánh sáng mặc khải, chúng ta cũng tuyên xưng Thiên Chúa duy nhất là Cha và Con và Thánh Thần. Đây là chân lý cao siêu và nền tảng của đức tin Kitô giáo.

1. Một Chúa Ba Ngôi : mầu nhiệm trung tâm của đức tin Kitô giáo

Ngày Rửa tội, chúng ta được đón nhận ơn tha tội và trở nên con cái Thiên Chúa “*Nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần*”. Chúng ta bắt đầu sống ơn gọi làm con Chúa, chúng ta học và tuyên xưng các tín điều được phát xuất và được soi sáng từ mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi... Một mầu nhiệm vượt quá trí hiểu của con người, nhưng đó là trung tâm mầu nhiệm chính trong đạo Kitô giáo.

Trong Tân Ước, Đức Giêsu đã mặc khải về Thiên Chúa là Cha, Con và Thánh Thần qua các biến cố.

- Khi Đức Giêsu chịu phép rửa tại sông Giođan, trời mở ra, Chúa Thánh Thần tựa chim bồ câu xuống trên mình, lại có tiếng từ trời phán rằng : “*Con là Con yêu dấu của Cha*” (Mc 1.9-11).

- Khi Đức Giêsu biến hình trên núi cao có ông Môsê và ông Êlia hiện ra đàm đạo với Người, có đám mây sáng ngời và có tiếng từ đám mây phán rằng :*“Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người”* (Mt 17,5).

- Khi bước vào cuộc tử nạn, Đức Giêsu loan báo với các môn đệ là Người sẽ gửi đến Đấng Bảo Trợ khác *“Đấng Bảo Trợ là Thánh Thần Chúa Cha sẽ sai đến nhân danh Thầy, Đấng đó sẽ dạy anh em mọi điều và sẽ làm cho anh em nhớ lại mọi điều Thầy đã nói với anh em”*(Ga 14,26).

- Trước khi về trời, Đức Giêsu truyền lệnh cho các tông đồ :*“Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần”*(Mt 28,19).

Như thế, Đức Chúa là Thiên Chúa duy nhất, nhưng đồng thời Thiên Chúa duy nhất là Cha và Con và Thánh Thần. Cha và Thánh Thần hằng hiện diện và hoạt động nơi Con. Ba Ngôi tuy riêng biệt nhưng cùng một bản thể duy nhất, cùng một bản tính Thiên Chúa, đã có từ đời đời, không hơn không kém.

2. Định tín của Hội Thánh

Là nền tảng, suối nguồn và ánh sáng chiếu soi tất cả đời sống Kitô hữu, nên mẫu nhiệm Thiên Chúa duy nhất là Cha và Con và Thánh Thần đã ghi dấu ấn rất đậm nét trong sinh hoạt của Hội Thánh. Dấu ấn ấy xuất hiện trong công thức rửa tội *“nhân danh Cha và Con và Thánh Thần”*, trong văn bản của các tông đồ *“Nguyện xin ân sủng của Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, tình yêu của Chúa Cha và ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần ở cùng tất cả anh chị em”*. Đồng thời trong cử hành phụng vụ, lời

khẩn cầu của Hội Thánh luôn là *“Nhờ Đức Giêsu Kitô Con Cha và là Chúa chúng con. Người hằng sống và hiển trị cùng Cha, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần đến muôn thuở muôn đời”*. Và lời ngợi khen trọn vẹn nhất là *“Chính nhờ Đức Kitô, cùng với Đức Kitô, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần, mọi vinh quang và danh dự đều qui về Cha là Thiên Chúa toàn năng, đến muôn thuở muôn đời”*.

Mẫu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi là nền tảng cho tất cả đời sống Hội Thánh, nên ngay từ những thế kỷ đầu tiên, Hội Thánh đã không ngừng suy niệm, vừa để đào sâu mẫu nhiệm vừa để bảo vệ đức tin tinh tuyền khỏi những quan niệm lệch lạc. Những suy niệm ấy dẫn đến định tín được hình thành trong các Công đồng đầu tiên, với sự cộng tác đặc lực của các giáo phụ và cảm thức đức tin của dân Chúa.

Nhằm trình bày mẫu nhiệm cách sâu sắc và chính xác, G.H đã mượn lấy những ý niệm và ngôn ngữ triết học đương thời để tuyên xưng: *“Thiên Chúa duy nhất, không phải trong một ngôi đơn độc, nhưng trong Ba Ngôi cùng một bản thể. Ba Ngôi, tuy riêng biệt, nhưng cùng một bản thể duy nhất và một uy quyền ngang nhau”* (Kinh Tiền tụng lễ Chúa Ba Ngôi)

Kế hoạch và công trình cứu độ là của chung Ba Ngôi. Vì Ba Ngôi chỉ có một bản thể duy nhất, nên cũng chỉ có một công việc như nhau. Tuy nhiên, mỗi “Ngôi” thực hiện công trình chung trong một cách biểu lộ riêng : Chúa Cha sáng tạo, Chúa Con cứu chuộc, Chúa Thánh Thần Thánh hoá.

3. Yêu mến và hiệp thông trong Chúa Ba Ngôi

Thiên Chúa được tỏ ra trong Đức Giêsu Kitô không phải là Thiên Chúa đơn độc, nhưng là cộng đoàn Ba Ngôi, trong đó, mỗi Ngôi hướng về hai Ngôi khác bằng tất cả tình yêu trao ban và đón nhận.

Thiên Chúa Ba Ngôi luôn hiệp nhất yêu thương. Ngôi Cha sinh Ngôi Con. Ngôi Thánh Thần bởi Ngôi Cha và Ngôi Con mà ra. Ba Ngôi thể hiện tình yêu của Thiên Chúa. Điều này mời gọi người Kitô hữu sống hiệp thông với Thiên Chúa và với mọi người.

Mẫu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi phải luôn được tỏa sáng trong mỗi người chúng ta, bằng cách sống yêu thương theo khuôn mẫu của tình yêu T.C Ba Ngôi, biết góp phần xây dựng là cho gia đình, xã hội và Hội Thánh ngày càng phát triển.

Người Kitô hữu cần tránh thái độ hận thù, ganh ghét làm chia rẽ Hội Thánh, làm tổn thương tình yêu của Thiên Chúa. Đó là chúng ta thể hiện lòng yêu mến Thiên Chúa và sống hiệp thông với Người.

Tóm kết

Mỗi khi làm dấu Thánh giá, chúng ta tuyên xưng mẫu nhiệm T.C Ba Ngôi và nhắc nhở chúng ta sống và yêu thương mọi người theo gương Chúa Ba Ngôi: Ngôi Cha luôn yêu thương, luôn hướng về Ngôi Con và Ngôi Ba. Ngôi Con luôn yêu thương, hướng về Ngôi Cha và hợp nhất với Ngôi Ba. Ngôi Ba hằng yêu thương, hướng về Ngôi Cha và Ngôi Con.¹

¹ Một vài từ ngữ triết học

Bài 8

THIÊN CHÚA, Đấng SÁNG TẠO và QUAN PHÒNG

Thiên Chúa đã mặc khải dần dần qua lịch sử cứu độ, khi tuyển chọn dân tộc Israel và ký kết giao ước với họ... Sau cùng Đức Giêsu đã đến mặc khải trọn vẹn và dứt khoát để giúp ta hiểu rằng nguồn cội và cùng đích đời người cũng như vũ trụ vạn vật chính là Thiên Chúa.

I. THIÊN CHÚA SÁNG TẠO

1. Thiên Chúa tạo dựng muôn loài

Kinh Tin Kính tuyên xưng “*Thiên Chúa là Cha toàn năng, Đấng tạo thành trời đất, muôn vật hữu hình và vô hình*”. Thế giới hữu hình gồm mọi tạo vật hữu hình. Mỗi vật

-
- Ngôi vị (personne): Một chủ thể có ý thức, tự do, tình cảm, hữu ngã, làm chủ các hành vi hoạt động của mình.
 - Bản thể (Substance): Hữu thể căn bản không thay đổi, làm nền tảng nâng đỡ những tùy thể hay thay đổi.
 - Bản thể Thiên Chúa : Tính chất sâu thẳm của Thiên Chúa. Theo triết Kinh viện, bản thể Thiên Chúa là tự hữu, tự có, luôn có một cách sung mãn, không bắt nguồn từ đâu, không lệ thuộc vào vật nào khác ngoài chính Ngài.
 - Bản tính (nature) : Là bản thể của vật, nhưng xét theo nghĩa : là nguồn gốc của hoạt động đặc sắc của vật nào đó. VD : bản tính của con người là vừa biết suy luận (vì có lý trí) vừa biết cảm giác (vì có giác quan).

đều phản ánh một phần sự khôn ngoan và tốt lành của Thiên Chúa; không vật nào có thể tự mãn, nhưng phải tùy thuộc lẫn nhau, để bổ túc và phục vụ cho nhau. Mỗi vật ở một cấp bậc khác nhau từ kém đến hoàn hảo hơn, nhưng con người là chóp đỉnh của tạo thành, vì được tạo dựng cách đặc biệt.

Thế giới vô hình gồm các vật thuần thiêng, không có thể xác. Thánh Kinh gọi là thiên thần. Đó là các tôi tớ và sứ giả của Thiên Chúa. Các ngài có trí tuệ, ý chí, ngôi vị và bất tử, vì thế hoàn hảo hơn các thụ tạo hữu hình. Các ngài được dựng nên để phục vụ suốt dòng lịch sử cứu độ: từ việc đóng cửa vườn địa đàng (St 3, 24), qua biến cố báo tin Đức Giêsu xuống thế làm người (Lc 1,26)... sau cùng là tập hợp muôn dân từ bốn phương lại để chịu phán xét (Mt 24,31). Trong Thánh lễ, Hội Thánh cùng với các thiên thần ca tụng Chúa.

2. Con người là hình ảnh Thiên Chúa

Thánh Kinh đưa ra định nghĩa đơn sơ và sâu sắc về con người : *“con người là hình ảnh Thiên Chúa”*(St 1,27). Là hình ảnh của Thiên Chúa nên con người mang phẩm giá đặc biệt vượt trên vạn vật :

*“Ngắm tầng trời tay Chúa sáng tạo
Muôn trăng sao Chúa đã an bài
thì con người là ch mà Chúa cần nhớ đến,
Phàm nhân là gì mà Chúa phải bận tâm ?
Chúa cho con người chẳng thua kém thần linh là mấy,
ban vinh quang danh dự làm mũ triều thiên,
cho làm chủ công trình tay Chúa sáng tạo,
đặt muôn loài muôn sự dưới chân”*(TV 8,4-7).

Là hình ảnh của Thiên Chúa, con người có khả năng đặc biệt, khả năng nhận biết và yêu mến, nhờ đó con người có thể đáp trả tiếng gọi của Thiên Chúa và bước vào giao ước yêu thương với Người.

Là hình ảnh của Thiên Chúa nên con người là đỉnh cao của tạo thành và Thiên Chúa đã tạo dựng mọi sự là cho con người *“Trời và đất, biển khơi và mọi tạo vật là để cho con người”* (St Gioan Kim Khẩu). Nhưng đồng thời, con người không thể quên rằng họ được tạo nên để phụng sự, yêu mến Thiên Chúa, và phải hiến dâng tất cả tạo thành cho Người.

3. Con người gồm xác và hồn

Thánh Kinh mô tả : *“Đức Chúa là Thiên Chúa lất bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi và con người trở nên một sinh vật”* (St 2,7). Vậy, nơi con người có cả yếu tố tinh thần và vật chất. Cả hai tạo nên bản tính duy nhất, liên kết chặt chẽ với nhau : con người duy nhất xác hồn

Xét về thể xác, con người là một tổng hợp những yếu tố thuộc thể giới vật chất, những yếu tố ấy lại được linh động hoá bởi nguyên lý tinh thần là hồn thiêng.

Hồn thiêng do Thiên Chúa trực tiếp tạo nên và mang tính bất tử, không bị tiêu diệt, kể cả khi hồn lìa khỏi xác trong giờ chết, nhưng sẽ kết hợp lại với thân xác trong cuộc phục sinh sau cùng.

4. Con người là nam và nữ

“Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ” (St 1,27). Con người khác biệt nhau về phái tính cùng với những nét độc đáo của mỗi phái, nhưng bình đẳng về phẩm

giá, vì cả hai đều là hình ảnh của Thiên Chúa, phản ánh sự khôn ngoan và tốt lành của Người. Hơn nữa, con người được dựng nên để sống với nhau và cho nhau *“Con người ở một mình thì không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng”*(St 2,18).

Con người nguyên thủy sống trong mối hiệp thông thân tình với T.C, hài hoà với chính mình, với nhau và với cả vạn vật chung quanh. Trong hạnh phúc nguyên thủy đó, con người làm chủ chính mình, không chịu sự thống trị của dục vọng, không phải đau khổ và không phải chết... nhưng hạnh phúc đó bị mất đi khi con người sa ngã phạm tội (xc. DV 2).

- Con người là hình ảnh của Thiên Chúa. Phẩm giá cao quý ấy được bộc lộ trọn vẹn nơi Đức Giêsu, Người đã tự đồng hoá mình với những con người nghèo khổ, hèn mọn nhất. Vì thế, con người trở thành con đường của Hội Thánh, và người Kitô hữu phải biết trân trọng con người, dù là trẻ thơ hay già cả; giàu có hay nghèo hèn ; mạnh khoẻ hay yếu đau... vì Thiên Chúa đang hiện diện trong họ (xc. Mt 25,40)

II. THIÊN CHÚA QUAN PHÒNG

1. Thiên Chúa an bài mọi sự

Toàn bộ kế hoạch của Thiên Chúa bao gồm sáng tạo, cứu độ và thánh hoá, đều là công trình của Ba Ngôi.

- *Thiên Chúa là Đấng toàn năng* :*“Thiên Chúa chúng ta ở trên trời, muôn làm gì là Chúa làm nên”*(Tv 113,3), *“Đấng làm cho kẻ chết được sống, và khiến những gì không có hoá có”* (Rm 4,17). Người đã sáng tạo muôn

vật từ hư vô, không cần vật gì có trước, và cũng không cần sự trợ giúp (DS 3022).

- *Thiên Chúa là Cha* (Mt 6,9) nên sau khi sáng tạo Người vẫn tiếp tục chăm sóc và điều khiển mọi thụ tạo (Mt 6,32) “một cách cụ thể và trực tiếp”, để tất cả mọi người mọi vật từ tình trạng tốt lành và hoàn hảo ban đầu có thể tiến hoá dần dần đến mức hoàn hảo như ý Người muốn. Hội Thánh gọi công việc đó là Thiên Chúa quan phòng.

Thiên Chúa quan phòng chăm sóc điều khiển mọi loài mọi vật theo một qui luật tự nhiên cho mỗi loài. Nên thái độ của con người không là gì khác hơn là hoàn toàn tin tưởng và phó thác nơi tình yêu Thiên Chúa, nhưng bên cạnh đó, con người cũng phải cộng tác phần mình vào công trình sáng tạo của Thiên Chúa, qua việc chuyên cần lao động và phát minh theo khả năng của mình.

2. Tại sao có sự xấu, sự dữ

Thiên Chúa toàn năng đầy khôn ngoan và giàu tình thương đã sáng tạo muôn vật đều tốt lành nhưng chưa hoàn hảo, vì Người muốn chúng còn “ở trong tình trạng hành trình” qua dòng thời gian, để liên đới bổ túc cho nhau mà tiến tới mức toàn hảo sau cùng. Trong quá trình tiến hoá đó, có vật trở nên tốt hơn, có vật xấu hơn và bị đào thải. Do đó cùng với sự tốt thể lý, cũng có sự xấu thể lý.

Thiên thần và con người là thụ tạo có trí tuệ và tự do, cũng phải tiến tới cùng đích của mình bằng cách chọn lựa cho mình trở nên tốt hơn hoặc xấu hơn. Và thực sự họ đã chọn lựa sai lầm khi phạm tội. Do đó, sự xấu luân lý đã nhập vào thế gian. Như thế, sự xấu, sự dữ luân lý đều không do Thiên Chúa muốn, dầu là trực tiếp hay gián tiếp. Tuy nhiên Người để chúng xảy ra, vì Người tôn trọng tự do của thụ tạo, và vì Người

có thể rút từ sự xấu, sự dữ ấy ra sự lành còn tốt đẹp hơn gấp bội nữa.

3. Thiên Chúa tạo dựng và cuộc sống con người

*** Đối với Thiên Chúa**

- Thiên Chúa là Đấng tạo dựng và quan phòng chăm sóc điều khiển mọi loài mọi vật, nên con người cần phải nghe lời Đức Giêsu dạy để hoàn toàn tin tưởng và phó thác nơi Thiên Chúa quan phòng (Mt 6,31-33), cứ lo chuyên cần lao động và phát minh... theo khả năng của mình, Thiên Chúa sẽ giúp ta thành tựu theo chương trình của Người.

*** Đối với vạn vật**

- Mỗi người mỗi vật đều là thụ tạo, nhưng phản ánh sự khôn ngoan và tình thương của Thiên Chúa, nên con người không sợ hãi hay tôn thờ bất cứ ai hay vật gì, đồng thời cũng không kỳ thị, không gây ô nhiễm cho môi sinh.

*** Đối với sự dữ**

Người Kitô hữu cần noi gương Đức Giêsu để cùng với Người chống lại sự dữ dưới mọi hình thức, và cố gắng sống và làm nhiều việc tốt lành để hoá giải những sự dữ với niềm tin tưởng rằng :*“Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh ích cho những ai yêu mến Người”*(Rm 8, 28).

Đây thật là một huyền nhiệm về sự xấu, sự dữ mà chỉ một mình Đức Giêsu, Đấng đã chịu chết và sống lại mới mặc khải được, và chỉ tới ngày được giáp mặt với Thiên Chúa ta mới hiểu hết được.

Tóm kết

Là hình ảnh của Thiên Chúa, nên con người được tạo dựng cách đặc biệt có hồn và xác, là sự kết hợp chặt chẽ giữa yếu tố vật chất và tinh thần.

Là hình ảnh của Thiên Chúa, nên con người cần được đón nhận, bảo vệ và trân trọng. Và con người phải tự ý thức rằng mình được tạo dựng là để phụng sự, yêu mến và cảm tạ tình thương Thiên Chúa.

Thiên Chúa là Cha yêu thương, vì yêu thương mà tác tạo, và tiếp tục quan phòng để thể hiện lòng yêu thương trên mọi loài, mọi vật, để tất cả đều không ngoài mục đích là tôn vinh Thiên Chúa và làm cho danh Thánh Cha ngày càng được mọi dân, mọi nước biết đến và ca tụng Người.

*** Câu hỏi :**

1. Bạn hãy cho biết : Ý nghĩa của việc sáng tạo ? và con người có thể thay thế Thiên Chúa điều khiển vũ trụ được không ?

2. Bạn có suy nghĩ gì trước tình trạng điều ác và sự dữ đang gia tăng trên thế giới ngày nay ? và người Kitô hữu cần phải làm gì để hạn chế điều ác và sự dữ đó ?

Bài 9

CON NGƯỜI SA NGÃ

Con người phạm tội, vì đã lạm dụng tự do Chúa ban, mà không vâng phục lệnh truyền của Người, từ chối tình yêu của Người. Tội lỗi là khước Thiên Chúa và đặt mình đối nghịch với Người. Nên muốn hiểu tội lỗi là gì, cần phải đặt tội lỗi trong tương quan với Thiên Chúa. Đặt mình trước mặt Thiên Chúa, con người không những nhận ra tội lỗi của mình, mà còn cảm nhận được lòng nhân từ hay tha thứ của Thiên Chúa để quay về với Người và dần bước theo Người.

1. Con người sa ngã

Được dựng nên cách thánh thiện để sống hoà hợp với Thiên Chúa, với nhau, và với vạn vật, thế nhưng con người đã lạm dụng tự do để làm theo ý mình, không theo ý Thiên Chúa, muốn coi mình hơn Thiên Chúa, không vâng phục Người. Tội đầu tiên này lôi kéo theo muôn vàn tội lỗi của con người qua mọi thời đại. Khi phạm tội từ bỏ Thiên Chúa, Đấng duy nhất tốt lành, con người nhận lấy mọi hậu quả của tội.

2. Hậu quả của tội

Trước kia nguyên tổ sống trong sự hài hoà do tình trạng công chính nguyên thuỷ, nay tội đã phá huỷ sự hài

hoà đó, làm cho những khả năng điều khiển của linh hồn trên thân xác bị thương tổn.

Sự kết hợp nam nữ trở nên căng thẳng. Mỗi quan hệ giữa họ đầy những ham muốn và thống trị. Ông bà thấy mình trần truồng, chạy trốn Thiên Chúa, tương quan giữa hai người không còn bình đẳng hoà hợp như trước.

Sự hài hoà với vạn vật bị phá vỡ: thế giới hữu hình trở nên xa lạ và thù nghịch với con người. Đất đai đã chống lại con người, và con người phải vất vả cực nhọc mới chinh phục được thiên nhiên (xc. St 3,19). Vì con người, muôn loài đã “*lâm vào cảnh hư ảo*” (Rm 8,20).

Cuối cùng, hậu quả đã được báo trước rõ ràng cho tội bất tuân, nay thành hiện thực: “*Con người là tro bụi sẽ trở về bụi tro*” (St 3,19). Sự chết đã xâm nhập vào lịch sử nhân loại.

Con người đầu tiên là Adam đã phạm tội mất tình nghĩa với Thiên Chúa, nên tất cả con cháu thuộc dòng giống loài người, đều sinh ra trong tình trạng sa ngã của Adam. Bởi vì Adam đã nhận được ơn thánh thiện và công chính ban đầu, không chỉ cho một mình ông, nhưng cho toàn thể nhân loại.

Vậy một khi Adam đã đánh mất đặc ân đó vì tội mình, thì nhân loại sinh ra từ Adam cũng không còn được ở trong tình nghĩa hoà hợp với Chúa. Tình trạng mất ơn nghĩa với Chúa của mọi người sinh ra ở đời này, ta gọi là tội tổ tông truyền. “*Vì một người duy nhất, mà tội lỗi đã xâm nhập trần gian, và tội lỗi gây nên sự chết ; như thế, sự*

chết đã lan tràn tới mọi người, bởi vì mọi người đã phạm tội”(Rm 5,12).

Nhưng nếu tội lỗi và sự chết xâm nhập mọi người, thì ân sủng và sự sống của Đức Kitô cũng tràn ngập tất cả nhân loại. *“Vì một người duy nhất đã sa ngã mà mọi người bị Thiên Chúa kết án, thì nhờ một người duy nhất đã thực hiện lễ công chính, mọi người được Thiên Chúa làm cho nên công chính, nghĩa là được sống”(Rm 5,18).*

3. Lời hứa cứu độ

Thiên Chúa là Đấng toàn năng và trung tín, không những không bỏ rơi con người sau khi sa ngã, nhưng còn tìm đến với con người (xc. St 3,8), kêu gọi họ tin tưởng là sự ác sẽ bị đánh bại (xc. St 3,15), và ban lời hứa cứu độ.

Chính Đức Giêsu, Con Một Thiên Chúa thực hiện lời hứa cứu độ. Người đã phục hồi phẩm giá con người cách kỳ diệu hơn cả phẩm giá lúc được sáng tạo.

Thật ra, tội lỗi không làm hỏng chương trình của Thiên Chúa, mà là cơ hội để Thiên Chúa biểu lộ tình thương xót nhân từ của Người, hầu đưa toàn thể nhân loại đạt tới cùng đích của mình, là sự sống muôn đời.

Mọi người sinh ra trong tình trạng mất ân sủng và công chính nguyên thủy, nên bản tính của chúng ta đã bị tổn thương, suy yếu và hướng chiều về điều xấu. Ôn cứu chuộc của Đức Giêsu ban qua bí tích Thánh Tẩy, xóa sạch tội lỗi, đưa ta vào trong ân nghĩa thân tình với

Thiên Chúa. Nhưng trong ta vẫn tồn tại những yếu đuối, nghiêng về sự dữ. Thế nên, chúng ta phải luôn luôn nỗ lực chiến đấu để thắng vượt tội lỗi. Trong cuộc chiến khốc liệt tại thế, luôn có Đức Giêsu đồng hành và trợ giúp, *“vì chúng ta chiến đấu không phải với phàm nhân, nhưng là với quyền lực thần thiêng, với những bậc thống trị thế giới tối tăm này, với những thần linh quái ác chốn trời cao”*(Ep 6,12). Nên chúng ta *“hãy mang toàn bộ binh giáp vũ khí của Thiên Chúa, để có thể đứng vững trước những mưu chước của ma quỷ”*(Ep 6,11).

Tóm kết

Khi tạo dựng con người, Thiên Chúa ban tặng cho họ một hồng ân đặc biệt : Tự do. Thế nhưng, con người đã lạm dụng sự tự do để phạm tội, không tuân phục Thiên Chúa, không đón nhận tình thương của Người. Và tự lãnh lấy hậu quả của tội là phải chết.

Con người phản bội Thiên Chúa, nhưng Người không bỏ mặc họ sống trong tội lỗi. Người đã hứa ban Đấng Cứu Độ để giải thoát họ khỏi tình trạng tội, cho con người tiếp tục được hưởng tình thương như thuở ban đầu.

Song để được hưởng ơn cứu độ, ấy con người phải tự đặt mình trước Thiên Chúa, phải nhận ra con người tội lỗi của mình, phải sám hối, ăn năn và tin tưởng vào lòng nhân hậu và tình thương Chúa tha thứ.

Bài 10

ĐỨC GIÊSU KITÔ, CON MỘT THIÊN CHÚA

1. Các danh xưng về Ngôi Con

a. Tên gọi Giêsu

- Khi truyền tin cho Đức Maria, sứ thần đã tiên báo với Đức Maria :*“Này Bà sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai và đặt tên là Giêsu”*(Lc 1,31).

- Sau khi đã giải thích mọi chuyện để thánh Giuse đón nhận Đức Maria về nhà mình, Sứ Thần đã truyền lệnh rằng :*“Ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu vì Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ”*(Mt 1,21).

Với biến cố Phục sinh, Danh Thánh Giêsu được tôn vinh và tỏ ra quyền năng cao cả. *“Thiên Chúa đã siêu tôn Người và tặng ban danh hiệu trổi vượt trên muôn ngàn danh hiệu. Như vậy khi vừa nghe danh Thánh Giêsu, cả trên trời dưới đất và trong nơi âm phủ muôn vật phải bái quì”*(Pl 2,9-10).

Danh Thánh Giêsu còn được đặt ở trung tâm điểm của lời cầu nguyện Kitô giáo. Vì thế, ta xin bất cứ điều gì cùng Thiên Chúa Cha cũng phải nhân danh Đức Kitô . *“Tất cả những gì anh em xin cùng Chúa Cha nhân danh Thầy, thì người sẽ ban cho anh em”*(Ga 15,16).

Như thế, Con Thiên Chúa xuống thế làm người được gọi là Giêsu vì tên gọi ấy nói lên sứ mệnh của Người là *“Thiên Chúa cứu độ”*(xc. Mt 1,21).

b. Tên gọi Kitô

Kitô là từ Hy Lạp để dịch từ Mêsia của tiếng Do Thái, nghĩa là Đấng được xức dầu. Đức Giêsu đã hoàn tất sự trông đợi Đấng Thiên Sai của Israel trong cả ba sứ mạng : Tư tế, Vương đế, Ngôn sứ đích thực.

- Đức Giêsu là Đấng mà ngay từ đầu được chúa Cha thánh hiến và sai xuống trần gian. *“Tôi là người Chúa Cha đã thánh hiến và sai đến thế gian”*(Ga 10,36).

- Khi Gioan làm phép rửa cho Đức Giêsu, *“Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần và quyền năng mà xức dầu tấn phong Người”*(Cv 10,38).

- Chính Đức Giêsu công bố sứ mệnh của mình mà ngôn sứ Isaia đã loan báo : *“Thần khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn. Người sai tôi đi công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, cho người mù biết họ được sáng mắt, trả tự do cho người bị áp bức, công bố một năm hồng ân của Chúa”*(Lc 4,18-21).

- Đức Giêsu đã đón nhận lời tuyên xưng đức tin của Phêrô nhìn nhận Người là Đức Kitô , và sau khi Đức Giêsu sống lại, Thánh Phêrô còn công bố cho dân Thiên Chúa : *“Đức Giêsu mà anh em đã treo trên thập giá, Thiên Chúa đã đặt Người là Đức Chúa và làm Đấng Kitô”*(Cv 2,36).

Vậy, Đức Giêsu được gọi là Đấng Kitô vì Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần và quyền năng mà xức dầu tấn phong Người, để Người chu toàn sứ mệnh : Tư tế, Vương đế, Ngôn sứ (Cv 2,36).

2. Đức Giêsu là Con Thiên Chúa

Cựu Ước đã dành tước hiệu “Con Thiên Chúa” cho các thiên thần (xc. Đnl 32, 8), cho dân mà Chúa đã chọn (xc. Xh 4, 22), cho con cái Israel (xc. Đnl 13, 1), và cho các vua của dân này (xc. 2 Sm 7,14) để chỉ những mối liên hệ thân tình giữa Thiên Chúa và các tạo vật của Người.

Vào hai thời điểm quan trọng, Phép Rửa và Hiến Dung của Đức Giêsu, các sách Tin Mừng ghi lại tiếng Chúa Cha gọi Đức Giêsu là “Con yêu dấu” của Người. Chính Đức Giêsu cũng tự xưng là “Con Một của Thiên Chúa”(Ga 3,16).

Đức Giêsu là “Con Thiên Chúa” vì Người biết Cha Người *“Cha tôi đã giao phó mọi sự cho tôi. Và không ai biết rõ người Con, trừ Chúa Cha ; cũng như không ai biết rõ Chúa Cha, trừ người Con và kẻ mà người Con muốn mặc khải cho”* (Mt 11,27)

Lời tuyên xưng Đức Giêsu là Con Thiên Chúa của Kitô giáo đã xuất hiện ngay từ trong tiếng kêu của viên đại đội trưởng đứng đối diện với Đức Giêsu trên Thập giá : *“Quả thật ông này là Con Thiên Chúa”*(Mc 15,39). Chỉ trong mẫu nhiệm Phục sinh, người Kitô hữu mới hiểu được đầy đủ danh hiệu “Con Thiên Chúa”

Ta tuyên xưng Đức Giêsu là Con Thiên Chúa vì Người là Ngôi Con được Chúa Cha sinh ra từ đời đời. Người là Con Một của Chúa Cha và chính Người cũng là Thiên Chúa.

3. Đức Giêsu là Chúa

Suốt cuộc đời công khai, Đức Giêsu chứng tỏ uy quyền của Người đối với thiên nhiên, như truyền cho sóng gió im lặng. Cả những người mắc bệnh hiểm nghèo, cũng được Người chữa trị, chỉ một lời phán ra, ma quỷ đều run sợ và nhất là cho kẻ chết sống lại. Chính Người tự nhận là Chúa khi dạy dỗ các tông đồ :*“Anh em gọi Thầy là Thầy là Chúa, điều đó phải lắm, vì quả thật, Thầy là Thầy, là Chúa”*(Ga 13,13).

Sau khi Phục sinh, Đức Giêsu hiện ra với các tông đồ, và tông đồ Toma đã tuyên xưng:*“Lạy Chúa của con, lạy Thiên Chúa của con”*(Ga 20, 28).

Khi dành cho Đức Giêsu danh hiệu thần linh là Đức Chúa, những lời tuyên xưng đức tin của Hội Thánh xác nhận ngay từ đầu rằng quyền năng, danh dự và vinh quang của Chúa Cha cũng thuộc về Đức Giêsu, vì Người có *“địa vị ngang hàng với Thiên Chúa”*(Pl 2,6), và Chúa Cha đã bày tỏ quyền tối thượng của Đức Giêsu khi cho Người sống lại từ cõi chết và biểu dương Người trong vinh quang²

4. Niềm tin vào Đức Giêsu Kitô

Khi đã tuyên xưng Đức Giêsu là Đấng Kitô, là Con Thiên Chúa và là Chúa, chúng ta cần phải sống cho niềm tin này, như lời của thánh Phaolô :*“Anh em đã nhận Đức Giêsu Kitô là Chúa, thì hãy tiếp tục sống kết hợp với Người. Anh em hãy bén rễ sâu và xây dựng đời mình trên nền tảng là Đức Giêsu Kitô, hãy dựa vào đức tin mà anh em đã được thụ huấn, và để cho lòng chan chứa niềm tri ân cảm tạ”*(Cl 2, 6-7).

² Xc. Kh 11,15.

Tóm kết

Danh xưng Giêsu có nghĩa là “Thiên Chúa cứu độ”.

Còn danh xưng Kitô có nghĩa là “được xức dầu”.

Danh xưng Con Thiên Chúa nói lên mối tương quan duy nhất và hằng hữu giữa Đức Giêsu Kitô với Thiên Chúa là Cha của Người.

Danh xưng Chúa nói lên quyền tối thượng của Thiên Chúa. Khi tuyên xưng hay kêu cầu Đức Giêsu Kitô là Chúa có nghĩa là tin vào thiên tính của Người.

Đức Giêsu Kitô là Con Một Thiên Chúa và là Thiên Chúa.

Câu hỏi gợi ý

Đức Giêsu hỏi các môn đệ : “*Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai ?*”(Mt 16,15). Ngày hôm nay, Người cũng đang hỏi mỗi người chúng ta như thế. Vậy theo bạn, Đức Giêsu là ai trong cuộc đời của bạn ?

Bài 11

CON THIÊN CHÚA LÀM NGƯỜI

và

CUỘC SỐNG TRẦN THẾ CỦA ĐỨC GIÊSU

I. CON THIÊN CHÚA LÀM NGƯỜI

1. Tại sao Con Thiên Chúa làm người

Khi thời gian tới hồi viên mãn, Thiên Chúa sai Con của Người xuống thế làm người.

- để giao hoà chúng ta với Thiên Chúa : *“Chính Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta và sai Con của Người đến làm của lễ đền tội cho chúng ta”* (1 Ga 4,10).

- để chúng ta nhận biết tình yêu của Thiên Chúa : *“Tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta được biểu lộ như thế này : Thiên Chúa đã sai Con Một đến thế gian, để nhờ Con một của Người mà chúng ta được sống.*

- để Người trở nên khuôn mẫu thánh thiện cho chúng ta: *“Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em”* (Ga 15,12).

- để chúng ta được thông phần bản tính Thiên Chúa, *“vì Con Thiên Chúa đã làm người để biến chúng ta thành Thiên Chúa”* (St Athanasiô).

2. Con Thiên Chúa sinh bởi Đức Maria đồng trinh

- Đức Maria là “Đấng đầy ân sủng” và cũng tinh tuyền không một tội riêng nào trong suốt cuộc đời. Người là “*Đấng vô nhiễm nguyên tội*”.

- Đức Maria là mẹ Đức Giêsu, mà Đức Giêsu chính là Con Chúa Cha, là Ngôi Hai trong Ba Ngôi Thiên Chúa, nên Hội Thánh tuyên xưng Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa.

- Đức Maria thụ thai Đức Giêsu bởi phép Chúa Thánh Thần, nên dầu đã sinh Đức Giêsu, Đức Maria được Hội Thánh tuyên xưng Đấng trinh khiết vẹn toàn.

3. Đức Giêsu là Thiên Chúa thật và là người thật

Việc Con Thiên Chúa làm người không có nghĩa là nơi Đức Giêsu có một phần là Thiên Chúa – một phần là người ; cũng không phải hai yếu tố Thiên Chúa và loài người hoà trộn lẫn nhau. Đức Giêsu đã làm người thật mà vẫn là Thiên Chúa thật. Thân xác, trí tuệ và ý chí con người của Đức Giêsu cũng phải “*lớn lên, thêm vững mạnh, đầy khôn ngoan*” (Lc 2,40), vì Người đã tự nguyện “*trở nên giống phàm nhân*” (Pl 2,7). Tuy nhiên, chúng lại hoàn toàn hoà hợp và tuân phục trí tuệ và ý chí của Thiên Chúa.

Vì thế, “*trong cùng một Đức Giêsu duy nhất, là Đức Chúa, là Chúa Con duy nhất, chúng ta phải tin nhận có hai bản tính, không lẫn lộn, không thay đổi, không phân chia, không tách biệt. Sự khác biệt giữa hai bản tính không hề bị mất đi do việc kết hợp, nhưng các đặc điểm của mỗi*

bản tính đã được bảo tồn và hợp nhất trong cùng một ngôi vị duy nhất và một ngôi hiệp duy nhất” (DS 301-302).

4. Ý nghĩa của việc Con Thiên Chúa làm người

Con Thiên Chúa nhập thể làm người để thể hiện cuộc sống hiệp thông giữa Trời- Đất- Người, làm cho Trời- Đất- Người hoà giải, hoà hợp với nhau, nhưng vẫn trân trọng phẩm giá của mỗi thành phần. Đó là để phục hồi phẩm giá đích thực và cao quý mà nguyên tổ đã làm hư mất.

Đức Giêsu đã mở ra con đường cứu độ là mời gọi ta trở nên “đồng hình đồng dạng” với Người, để có thể chu toàn lề luật yêu thương mới của Người (MV 22).

II. CUỘC SỐNG TRẦN THẾ CỦA ĐỨC GIÊSU

Tất cả cuộc sống trần thế của Đức Giêsu là :

- *Để mặc khải Chúa Cha* : “Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha” (Ga 14,9), “*Ta và Cha Ta là một*”(Ga 10,30). Đức Giêsu cho chúng ta biết : Thiên Chúa là Cha và Người luôn yêu thương chúng ta.

- *Để cứu chuộc con người* : cuộc sống trần thế của Đức Giêsu được kết thúc bằng cái chết trên Thập giá và sống lại để cứu chuộc loài người. Tất cả cuộc đời của Đức Giêsu đều có giá trị cứu chuộc, từ khi sinh ra trong nghèo khó, sống ẩn dật ở Nazarét, rao giảng Nước Thiên Chúa... Đức Giêsu luôn vâng phục thánh ý Thiên Chúa Cha, và chu toàn sứ mệnh cứu độ.

- *Để qui tụ muôn loài*, hầu tất cả được hiệp thông với Thiên Chúa. “*Ta còn nhiều chiêm khác, chưa thuộc*

đàn này, Ta còn phải đưa chúng về”(Ga 10,16), “Lạy Cha, xin cho mọi người hiệp nhất nên một”(Ga 17,21).

1. Đời thơ ấu – ẩn dật

a. Thơ ấu

Đức Giêsu hạ sinh khiêm tốn trong máng chiên lừa, trong một gia đình nghèo và những mục đồng đơn sơ là những chứng nhân đầu tiên của biến cố này. Chính trong cảnh nghèo hèn này, vinh quang trời cao đã tỏ hiện.

Thời thơ ấu của Chúa có những biến cố đáng ghi nhớ :

+ *Cắt bì vào ngày tám sau khi sinh* : biến cố này là một tuyên cáo việc Người sát nhập vào dòng dõi Apraham, vào dân của Giao Ước và cũng là dấu chỉ phục tùng lề luật.

+ *Các đạo sĩ đến kính viếng* : là đại biểu của dân ngoại, họ là hoa quả đầu mùa của các dân tộc đón nhận Tin Mừng cứu độ. Họ đã tìm được nơi Israel vị vua của mọi dân tộc.

+ *Dâng Chúa vào đền thờ* : chứng tỏ Người là con trai đầu lòng thuộc về Thiên Chúa. Ông Simêon và bà Anna tượng trưng cho niềm mong đợi của Israel đã đến gặp gỡ Chúa. Người là ánh sáng muôn dân và vinh quang của Israel

+ *Việc chạy trốn sang Ai cập và việc vua Hêrôđê tàn sát trẻ thơ* : biểu lộ sự tranh đấu không ngừng giữa bóng tối và ánh sáng. Biến cố lưu đầy và trở về từ Ai cập nhắc

nhớ cuộc xuất hành và giới thiệu Hài Nhi Giêsu là Đấng giải thoát dân Chúa.

b. Đời ẩn dật

- Đức Giêsu đã sống một cuộc đời bình thường lao động bằng chân tay, từng phục lễ luật Do Thái... Vì vậy, ta cần sống hiệp thông với Đức Giêsu trong những công việc bổn phận hàng ngày.

- Đức Giêsu hằng vâng phục cha mẹ. Đó là hình ảnh trần thế về lòng tùng phục hiếu thảo với Cha trên trời của Người. Đây cũng là bước khởi đầu phục hồi những gì do sự bất phục của Adam đã làm tiêu hủy.

3. Đời công khai

a. Khai mạc

+ *Phép rửa* : Đức Giêsu bắt đầu cuộc sống công khai bằng phép rửa bởi Gioan tại sông Giođan. Đây là dịp để Thiên Chúa tỏ mình ra cách long trọng. Với phép rửa, Đức Giêsu chấp nhận và khai mạc sứ mạng của Người tội tử đau khổ. Người là “*Chiên Thiên Chúa, Đấng xoá bỏ tội trần gian*”(Ga 1, 29).

+ *Chúa chịu cám dỗ* : Biến cố này có ý nghĩa cứu độ. Đức Giêsu là Adam mới luôn trung thành, trong khi Adam cũ sa ngã. Đức Giêsu hoàn thành tốt đẹp ơn gọi của Israel, trái với những người khiêu khích Thiên Chúa

suốt 40 năm trong sa mạc. Đức Giêsu là Đấng chiến thắng ma quỷ, báo trước chiến thắng trong cuộc tử nạn.

b. Rao giảng Nước Thiên Chúa

+ *Nước Thiên Chúa đã đến gần* : Đức Giêsu đi khắp đất Do Thái loan báo Tin Mừng này: “*Thời kỳ đã mãn và Nước Thiên Chúa đã đến gần*”(Mc 1,15). Đó là Người khai nguyên Nước Thiên Chúa ở trần gian bằng việc qui tụ mọi người.

+ *Nước Thiên Chúa được loan báo* : Đức Giêsu khai nguyên Nước Thiên Chúa bằng việc loan báo rằng : Nước Thiên Chúa đã đến gần và sẵn sàng đón nhận mọi người, trước hết là con cái Israel, rồi tất cả mọi dân tộc không trừ ai, đó là những người nghèo hèn (xc. Lc 4, 18).

+ *Dấu chỉ Nước Thiên Chúa* : Đức Giêsu kèm theo lời giảng của Người bằng nhiều phép lạ đi kèm thiêng dấu chỉ để chứng tỏ Nước Thiên Chúa hiện diện nơi Người. Khi thi hành những dấu lạ để giải thoát con người khỏi những đói khát, bệnh tật, chết chóc...Đức Giêsu đã thực hiện những dấu chỉ thời cứu độ. Nhưng mục đích của Người không phải đến để tiêu diệt sự dữ trần gian, mà là giải thoát con người khỏi nô lệ tội lỗi.

+ *Xây dựng Hội Thánh*: Đức Giêsu đã chọn nhóm Mười Hai và cho tham dự vào sứ mạng của Người : “*Người sai các ông đi rao giảng Nước Thiên Chúa và chữa lành bệnh nhân*”(Lc 9,2). Trong số đó ông Phêrô giữ địa vị cao nhất “*Anh là Phêrô nghĩa là tảng đá... Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy*”(Mt 16,19).

+ *Chúa Hiển Dung* : Khung cảnh bề ngoài của việc hiển dung nói lên tầm quan trọng của biến cố : có Ba Ngôi Thiên Chúa hiện diện, có các nhân vật đại diện Cựu

Ước và Tân Ước, và toàn thể thân xác Đức Giêsu tỏa sáng lạ lùng. Việc biến hình cho chúng ta hưởng trước vinh quang của Đức Giêsu, Đấng sẽ *“biến đổi thân xác yếu hèn của chúng ta nên giống thân xác vinh hiển của Người”*(Pl 3, 12), nhưng chúng ta phải chịu nhiều gian khổ mới được vào Nước Thiên Chúa (xc. Cv 14,22).

4. Kết thúc : Lên Giêrusalem

Việc tiến vào Giêrusalem của Đức Giêsu tỏ rõ việc thành tựu vương quốc mà vị Vua Cứu thế sắp hoàn tất bằng cuộc khổ nạn và phục sinh. Phụng vụ Chúa nhật Lễ Lá của Hội Thánh giúp chúng ta nhìn lại biến cố long trọng xưa kia đồng thời cũng hướng về ngày vinh quang hiển thắng sẽ đến trong thời gian.

Tóm kết

Khi xuống trần, Đức Giêsu cũng sinh sống như mọi người, chỉ trừ tội lỗi. Người luôn sống kết hiệp với Cha của Người qua cầu nguyện, luôn để Thánh Thần hướng dẫn Người thực hiện Thánh Ý Cha.

Câu hỏi gợi ý

1. Bạn nghĩ gì về câu nói của thánh Irênê : *“Con Thiên Chúa làm người, để ta được hiệp thông với Người mà trở nên con Thiên Chúa”*?

Bài 12

CUỘC KHỔ NẠN CỦA ĐỨC GIÊSU

Mầu nhiệm Vượt Qua (Tử nạn và Phục sinh) của Đức Giêsu là đỉnh cao trong công trình cứu độ của Thiên Chúa “*Nào Đấng Kitô lại chẳng phải chịu khổ hình như thế, rồi mới vào vinh quang của Người sao ?*”(Lc 24,26).

1. Nguyên nhân dẫn đến cái chết của Đức Giêsu

Cái chết của Đức Giêsu không phải là một bất ngờ, nhưng là cao điểm của cuộc đối kháng kéo dài giữa Đức Giêsu và những người lãnh đạo Do Thái lúc bấy giờ : các thượng tế, kinh sư và biệt phái. Chúng ta có thể nhìn cuộc đối kháng đó dưới ba khía cạnh :

a. Đối với lề luật

Trong bài giảng trên núi, Đức Giêsu đã tuyên bố : “*Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ luật Môsê hoặc lời các ngôn sứ. Thầy đến không phải để bãi bỏ nhưng là để kiện toàn*” (Mt 5,17). Đức Giêsu kiện toàn lề luật vì Người “*giảng dạy như một Đấng có thẩm quyền, chứ không như các kinh sư*”(Mt 7,29), như Đấng có quyền ban bố lề luật chứ không chỉ giải thích. Người còn kiện toàn vì luật của Người không chỉ là những điều khoản ghi khắc trên “*bia đá*” mà là “*bia lòng*”.

Đức Giêsu còn kiện toàn luật thanh khiết về các thức ăn, điều mà người Do Thái coi là rất quan trọng trong cuộc sống hàng ngày, bằng cách giúp ta hiểu : “*Bất*

cứ cái gì từ bên ngoài vào trong con người, thì không thể làm cho con người ra ô uế... như vậy là Người tuyên bố mọi thức ăn đều thanh khiết. Cái gì từ trong con người xuất ra, cái đó mới làm cho con người ra ô uế”(Mc 7,18-21).

Người chống đối, phê phán và tố giác những hình thức nệ luật và coi đó như sự phản bội ý muốn của Thiên Chúa (xc. Mc 7,13). Nhưng cũng vì thế, mối quan hệ giữa Đức Giêsu và các thủ lãnh tôn giáo ngày càng căng thẳng, và đối nghịch.

b. Đối với Đền thờ

Đức Giêsu dành cho Đền thánh Giêrusalem sự tôn kính đặc biệt. Nơi đó, Người đã được cha mẹ hiến dâng cho Thiên Chúa (xc. Lc 2,22-31). Nơi đó, Người đã đến hàng năm, trong suốt thời gian sống tại Nazarét.³

Đức Giêsu coi Đền thánh là nhà của Cha, nhà cầu nguyện. Vì thế, Người không thể chấp nhận sự lạm dụng Đền thờ, biến đền thờ thành nơi buôn bán, hang trộm cướp⁴

Trước khi bước vào cuộc tử nạn, Đức Giêsu đã loan báo Đền thờ sẽ bị phá hủy, không còn hòn đá nào trên hòn đá nào (xc. Mt 21,1-2) với ý nghĩa : Thời cuối cùng đã đến. Nhưng lời tuyên báo ấy đã bị xuyên tạc và trở thành lời tố cáo Đức Giêsu để lên án tử cho Người⁵.

³ Xc. Lc 2,41.

⁴ Xc. Mt 21,13.

⁵ Xc. Mc 14, 58.

c. Đối với niềm tin vào Thiên Chúa

Khi rao giảng Tin Mừng, Đức Giêsu loan báo Thiên Chúa là Cha, một vị Thiên Chúa khác xa với hình ảnh Thiên Chúa mà nhiều người đạo đức thời đó tin tưởng. Người loan báo Thiên Chúa bằng lời rao giảng và cả cách sống. Thay vì xa cách người tội lỗi, và những kẻ bị xã hội bỏ rơi, Đức Giêsu lại tìm đến với họ để chia sẻ, nâng đỡ và an ủi như Người xác quyết *“Tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi sám hối ăn năn”*(Lc 5, 32).

Đức Giêsu còn tỏ mình là Đấng Cứu Độ, đặc biệt khi Người thực thi quyền tha tội (xc. Mc 2,5), quyền chỉ dành riêng cho một mình Thiên Chúa (xc. Mc 2,7).

Đối với các thủ lãnh tôn giáo đương thời, hành động đó của Đức Giêsu bị kết án là phạm thượng và sự đối kháng giữa Người với họ càng lúc càng gia tăng (xc. Ga 5,18). Sự đối kháng này lên đến cao điểm là bản án tử hình dành cho Đức Giêsu. Nên họ đã quyết định thủ tiêu Người.

2. Ý nghĩa về cái chết của Đức Giêsu

a. Cái chết và cứu độ của Thiên Chúa

Cái chết của Đức Giêsu không phải là chuyện ngẫu nhiên, tình cờ, nhưng nằm trong *“kế hoạch của Thiên Chúa đã định và biết trước”*(Cv 2,23). Kế hoạch ấy đã được Thánh Kinh tiên báo. Đặc biệt là lời ngời sứ Isaia viết về Người tôi tớ đau khổ (xc. Is 53,7-8). Khi sống lại từ cõi chết, chính Đức Giêsu đã dùng Thánh Kinh mà dẫn giải cho các môn đệ hiểu về cái chết của Người. Và thánh Phaolô lặp lại lời tuyên xưng đức tin *“Đức Giêsu đã chết vì tội lỗi chúng ta, đúng như lời Thánh Kinh”*(1 Cr 15,3).

Cái chết của Đức Giêsu là chương trình yêu thương và cứu độ của Thiên Chúa “*Đấng chẳng hề biết tội là gì thì Thiên Chúa đã biến Người thành hiện thân của tội lỗi vì chúng ta*” (2 Cr 5,21), nhưng nhờ cái chết của Đức Giêsu “*chúng ta được hoà giải với Thiên Chúa*” (Rm 5,10), được nên công chính.

b. Đức Giêsu dâng mình cho Thiên Chúa Cha

Toàn bộ cuộc sống của Đức Giêsu là một hiến tế dâng lên Thiên Chúa Cha, hiến tế của tình yêu vâng phục đối với Cha, và cũng là tình yêu cứu độ con người.

Đức Giêsu đến trong cuộc đời này là để thi hành ý muốn của Thiên Chúa và trọn cả cuộc sống được của Người định hướng bằng Thánh ý Cha: “*Lương thực của Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai Thầy*”(Ga 4,34).

Trong cơn hấp hối, cho dầu kinh sợ “*Cha ơi, nếu được, xin cho chén này rời khỏi Con*” nhưng vẫn đón nhận trong tâm tình vâng phục “*xin đừng theo ý Con, nhưng theo ý Cha*” (Mt 26,39-40)... Chính tình yêu đi đến tận cùng ấy đã làm cho hiến tế của Đức Giêsu mang giá trị cứu độ và đền tội cho tất cả chúng ta.

c. Đức Giêsu cứu độ mọi người.

Đức Giêsu là Thiên Chúa làm người, Đấng vượt trên loài người, đồng thời ôm lấy mọi người trong nhân tính của Người và là Đầu của cả nhân loại, chỉ một mình Người có thể cứu độ cả nhân loại. Và hiến tế của Đức Giêsu là hiến tế cứu độ duy nhất. Do đó, người Kitô hữu được mời gọi chia sẻ hiến tế của Đức Kitô. Người đã hành

động thay cho ta, đã chết vì ta, ngay khi ta còn là tội nhân (xc. Rm 5,8), nhưng hy tế cao cả của Người không làm cho hy tế của chúng ta thành vô ích, trái lại, làm cho chúng ta trở thành thực tại cứu độ.

Tóm kết

Đức Giêsu đã kiện toàn lề luật, Người mời gọi con người phải tuân giữ lề luật vì yêu mến ; Đối với đền thờ, Người hết lòng tôn kính và coi đó như là nhà Cha của Người. Thế nhưng, những cử chỉ, hành động của Đức Giêsu, người Do Thái không nhân ra Người là Con Thiên Chúa, là Thiên Chúa làm người, nên khước từ Người và đã kết tội Người phạm thượng.

Bài 13

ĐỨC GIÊSU SỐNG LẠI VÀ LÊN TRỜI

1. Đức Giêsu Phục sinh : biến cố lịch sử và siêu việt

a. Biến cố lịch sử

Đức Giêsu sống lại từ cõi chết là biến cố có thật, với những chứng từ có giá trị lịch sử, được Tân Ước xác nhận. Hai yếu tố cần được quan tâm là sự kiện mộ trống và những lần hiện ra của Đấng Phục Sinh.

Yếu tố đầu tiên là Ngôi Mộ Trống (xc. Ga 20,5-7). Tự nó, sự kiện này chưa phải là bằng chứng trực tiếp cho việc Chúa sống lại, vì người ta có thể đưa ra nhiều cách giải thích khác (xc. Mt 28,11-15). Tuy nhiên sự kiện này đã là dấu chỉ quan trọng, là bước đầu dẫn các môn đệ đến chỗ nhìn nhận Chúa đã sống lại. Thánh Gioan viết : “*Ông đã thấy và đã tin*”(Ga 20,8), nghĩa là ông đã thấy ngôi mộ trống và việc đó dẫn ông đến chỗ tin rằng Thầy mình đã sống lại.

Yếu tố thứ hai là Những Lần Hiện Ra của Đấng Phục Sinh. Khi sống lại từ cõi chết, Đức Giêsu đã hiện ra với nhiều người : trước hết là Maria Mađalêna và các phụ nữ ra mộ từ sáng sớm để hoàn tất việc ướp xác Đức Giêsu... Như vậy, các phụ nữ là những sứ giả đầu tiên loan báo Đức Giêsu sống lại cho các tông đồ (xc. Lc 24,9-10).

Về phần các tông đồ, Đức Giêsu hiện ra trước hết với Phêrô và sau đó với nhóm Mười Hai (xc. Lc 24,34.36).

Ngoài ra thánh Phaolô còn cho biết Đức Giêsu “*đã hiện ra với hơn năm trăm anh em một lượt. Người hiện ra với ông Giacôbê, rồi với tất cả các tông đồ*”(1 Cr 15,6-7).

Với những chứng từ này, chúng ta có thể khẳng định Đức Giêsu đã sống lại thực sự và đây là biến cố có nền tảng vững chắc. Chính các môn đệ đã không dễ dàng tin vào việc Đức Giêsu sống lại từ cõi chết, đến nỗi Người “*đã khiển trách các ông không tin và cứng lòng*” (Mc 16,14). Nhưng cuối cùng các ông đã tin và mạnh dạn làm chứng cho niềm tin của mình.

b. Biến cố siêu việt

Đức Giêsu sống lại. Đó là sự kiện lịch sử nhưng đồng thời cũng là biến cố siêu việt, vì là mầu nhiệm đức tin vượt trên lịch sử.

Đức Giêsu đã sống lại không có nghĩa là Người trở lại với cuộc sống trần thế như cũ, để rồi một ngày nào đó lại chết thêm một lần nữa, như con trai bà goá thành Na-im, con gái ông Gia-ia, hay như La-za-rô. Sự Phục sinh của Đức Giêsu hoàn toàn khác : Người đã ngang qua sự chết mà bước vào cõi hằng sống, vượt trên không gian và thời gian ; thân xác Người là thân xác tràn ngập quyền năng Thánh Thần, và được chia sẻ sự sống thần linh.

Vì thế, khi hiện ra với các môn đệ, Đức Giêsu vẫn có thể đến trong thân xác cũ, với dấn đinh và cạnh sườn bị đâm thấu (xc. Ga 20,20), nhưng thân xác ấy lại mang những đặc tính mới : không còn bị giới hạn bởi không gian và thời gian, vì có thể hiện ra lúc nào và thế nào như

Người muốn, cũng như Người có thể hiện ra với nhiều đánh vẻ khác nhau (xc. Mc 16,12).

Vậy, sự Phục sinh của Đức Giêsu vừa là biến cố lịch sử, vừa là biến cố siêu việt, là mẫu nhiệm đức tin, vượt trên mọi giới hạn của lịch sử. Một đoàn các chứng nhân đã đích thân gặp gỡ Đấng Phục Sinh ; đoàn khác không ai tận mắt chứng kiến và cũng không thánh sử nào mô tả cảnh Chúa sống lại.

2. Tầm vóc cứu độ của mẫu nhiệm Phục sinh

Đức Giêsu đã sống lại, nhưng việc sống lại này không chỉ là công việc của Đức Giêsu, mà là công trình của cả Ba Ngôi Thiên Chúa. Cả Ba Ngôi cùng hoạt động, đồng thời biểu lộ tính cách riêng biệt của mình.

Với sự kiện Phục sinh chứng tỏ rằng : Đấng chịu đóng đinh chính là Đấng Hằng Hữu, là con Thiên Chúa và là chính Thiên Chúa: *“Khi các ông giương cao Con Người lên, bấy giờ các sẽ biết là Tôi Hằng Hữu”* (Ga 8, 28). Khi xác nhận Đức Giêsu là chính Thiên Chúa, thì cũng xác nhận tất cả những gì Người đã làm và đã dạy là Chân Lý Cứu Độ, vì Người giảng dạy với thẩm quyền của Thiên Chúa.

3. Đức Giêsu lên trời

Ba biến cố : tử nạn, phục sinh và thăng thiên của Đức Giêsu không thể tách rời nhau, nhưng liên kết chặt chẽ trong Mẫu Nhiệm Vượt Qua : *“Đức Giêsu đã bị các ông treo lên cây gỗ mà chết đi, nhưng Thiên Chúa của cha ông chúng ta đã làm cho Người sống lại, và Thiên Chúa đã ra tay uy quyền nâng Người lên, đặt làm thủ lãnh và Đấng Cứu độ, hầu đem lại cho Israel ơn sám hối và ơn tha tội”* (Cv 5, 30-31).

Đức Giêsu lên trời, nghĩa là Người tham dự vào quyền năng và chính uy quyền của Thiên Chúa. Người nắm mọi quyền hành trên trời và dưới đất, vì Chúa Cha “*đặt mọi sự dưới chân Người*”(Ep 1, 20-22). Như thế, Người là Chúa của vũ trụ và của toàn thể lịch sử.⁶

Đức Giêsu lên trời ngự bên hữu Chúa Cha, nhưng không xa cách Hội Thánh, Người hiện diện sống động nhờ sức mạnh của thánh Thần, để soi sáng, dạy dỗ và làm sáng tỏ những gì Người đã nói, và đã làm khi còn sống ở trần gian.

4. Đức Giêsu sẽ trở lại trong vinh quang

Đức Giêsu đã xuống thế làm người để cứu độ bằng cách loan báo và thiết lập Nước Thiên Chúa, nghĩa là loan báo và thiết lập sự hiệp thông giữa Thiên Chúa với con người, giữa con người với nhau và với vũ trụ vạn vật. Khi sống lại và về trời là Người đã thiết lập sự hiệp thông ấy cách toàn hảo nơi bản thân Phục sinh của Người (RM 16). Người đã được Chúa Cha tôn người “*lên trên mọi quyền lực thần thiêng... và đặt Người làm Đầu toàn thể Hội Thánh*” (Ep 1,21-22). Như thế, “*Nước của Đức Giêsu đã hiện diện cách mẫu nhiệm trong Hội Thánh*” (DV 3) và Hội Thánh là “*mầm mống và khởi đầu cho Nước ấy ở trần gian*”(DV 5).

Đức Giêsu đã phụng lệnh Chúa Cha để xuống thế làm người, thực hiện kế hoạch cứu độ. Vì thế, Chúa Cha đã trao “*toàn quyền xét xử cho Chúa Con*”(Ga 5,22) và

⁶ Xc. Ep 1,10.

đến ngày phải kết thúc công trình cứu độ. Người sẽ đến trong vinh quang để xét xử mọi người. Người sẽ phân biệt dứt khoát Thiện với Ác, như chiên với dê (xc. Mt 25,32-33). Và Người phơi bày ra ánh sáng mọi điều bí ẩn trong lòng con người (xc. Lc 12,2). Người phán xét về việc mỗi người đã tiếp nhận hay chối từ ơn thánh (xc. Mt 11,23-24), qua việc họ có sống hiệp thông với Người, với mọi người và với vũ trụ vạn vật (xc. Mt 25,31-46).

Câu hỏi gợi ý

1. Bạn hãy cho biết : Đức Giêsu thực hiện những gì trong cuộc Thương khó và Phục sinh của Người ?
2. Tại sao việc Đức Giêsu sống lại là nền tảng cho đức tin Kitô giáo ?

Bài 14

CHÚA THÁNH THẦN

1. Nhận biết Chúa Thánh Thần

“Không ai biết được những gì nơi Thiên Chúa, nếu không phải là Thần Khí của Thiên Chúa” (1 Cr 2,11). Thần Khí, Đấng tỏ cho chúng ta biết Đức Giêsu lại không nói điều gì về chính mình. Chúng ta không nghe Người nói, nhưng ta nhận ra hành động của Người. Trong Hội Thánh, ta nhận ra Chúa Thánh Thần qua :

- Thánh Kinh mà Người linh hứng
- Đời sống của Hội Thánh mà Người hướng dẫn.
- Huấn quyền của Hội Thánh được Người trợ lực.
- Lời cầu nguyện, nhờ đó Người bầu cử cho ta.
- Ôn đoàn sủng và thừa tác vụ xây dựng Hội Thánh.
- Phụng vụ bí tích : bằng lời nói và (biểu tượng) dấu chỉ, Thánh Thần làm cho chúng ta hiệp thông với Đức Kitô.
- Chứng tá của các thánh, qua đó Người tỏ lộ sự thánh thiện của Người và tiếp tục công trình cứu độ.

2. Danh xưng và biểu tượng

a. Danh xưng

Chúa Thánh Thần (Thần Khí, Đấng Bảo Trợ) là tên riêng của Đấng chúng ta thờ lạy và tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Con. Hội Thánh nhận tên ấy từ Đức Kitô *“Thầy sẽ xin Chúa Cha và Người sẽ ban cho anh em*

một Đấng Bảo Trợ khác đến ở với anh em luôn mãi”(Ga 14,16), và Hội Thánh tuyên xưng danh ấy trong bí tích Thánh Tẩy.

b. Biểu tượng

+ Nước : hành động của Chúa Thánh Thần trong bí tích Thánh Tẩy. Vì sau lời cầu Chúa Thánh Thần, nước trở nên dấu chỉ hữu hiệu mang lại ơn tái sinh.

+ Dầu : dầu và Thánh Thần có liên hệ mật thiết với nhau đến nỗi trở thành đồng nghĩa. Trong bí tích Thêm Sức, bí tích trao ban Chúa Thánh Thần cách đặc biệt.

+ Lửa : tượng trưng cho sức mạnh biến đổi nhờ tác động của Thánh Thần. *“Thầy đã đến ném lửa vào mặt đất”* (Lc 12,49). Lửa men yêu biến đổi tâm hồn mỗi người để trở nên nhiệt thành, và biết sống yêu thương...

+ Mây : *“Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà”* (Lc 1,35). “Rợp bóng” nói lên sự hiện diện của Chúa Thánh Thần.

+ Chim Bồ Câu : Khi Đức Giêsu chịu phép rửa xong, vừa ở dưới nước lên, thì các tầng trời mở ra. Người thấy Thần Khí Thiên Chúa đáp xuống như chim bồ câu và ngự trên Người... (xc. Mt 3,16).

3. Chúa Thánh Thần trong lịch sử Cựu Ước

Chúa Thánh Thần hằng hoạt động trong suốt dòng lịch sử cứu độ.

- Trong công trình tạo dựng: Lời Thiên Chúa và Thần Khí Chúa là khởi đầu cho sự hiện hữu và sống động của

tạo vật “*Một Lời Chúa phán làm ra chín tầng trời, một hơi Chúa thổi tạo thành muôn tinh tú*”(Tv 32,6). “*Thiên Chúa lấy bụi đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh*”(St 2,7). Như vậy, hơi thổi Thiên Chúa là hình ảnh Chúa Thánh Thần hiện diện.

- Thần Khí lời hứa : bởi tội con người “*bị tước mất vinh quang Thiên Chúa*”(Rm 3,23), nhưng do lời hứa, khi đến hạn kỳ, Con Thiên Chúa sẽ phục hồi con người cho đồng hình đồng dạng với Thiên Chúa, bằng cách ban cho con người vinh quang của Thiên Chúa là Thần Khí “*Đấng ban sự sống*”.

- Trong niềm mong đợi Đấng Cứu Thế : trong những thời sau cùng Thần Khí Chúa sẽ đổi mới tâm hồn con người, khắc sâu trong họ lề luật mới ; Người sẽ thu hợp và hoà giải những dân tộc tản mác và chia rẽ ; Người sẽ biến đổi công cuộc tạo dựng đầu tiên: Thần Khí sẽ sửa soạn cho Chúa “*một dân được chuẩn bị sẵn sàng*”.

4. Chúa Thánh Thần và đời sống Đức Giêsu

a. Nơi vị Tiên Hô

Gioan vị tiên hô của Đấng Cứu Thế “*ngay khi còn trong lòng mẹ đã được đầy Thánh Thần*”(Lc 1,15). Nơi Gioan, Thánh Thần hoàn tất “*việc nói qua các ngôn sứ*”. Chính Gioan là người làm chứng : “*...người thấy Thánh Khí xuống và ngự trên ai thì người đó chính là Đấng làm phép rửa trong Thánh Thần*”(Ga 1,32-33).

b. Nơi Đức Maria

Chúa Thánh Thần đã chuẩn bị Đức Maria bằng thánh ân của Người.

- Nhờ và bởi Thánh Thần, Đức Maria đã thụ thai và sinh hạ người Con Thiên Chúa.

- Nơi Đức Maria, Thánh Thần chứng thực Con của trinh nữ là Con của T.C hằng hữu.

- Nơi Đức Maria, Thánh Thần bắt đầu đưa con người vốn được Thiên Chúa yêu thương vào trong mối hiệp thông với Đức Giêsu, đặc biệt là những người bé mọn.

c. Nơi Đức Giêsu

Tất cả sứ mạng của Chúa Con và Thánh Thần trong thời viên mãn đều gồm tóm trong điều này : Chúa Con là Đấng được Thần Khí Thiên Chúa xúc dầu tấn phong làm Đức Kitô. Là Thiên Chúa, Đức Giêsu kết hợp từ muôn thuở và cho đến muôn đời với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần trong mầu nhiệm Ba Ngôi.

5. Hoạt động của Chúa Thánh Thần

a. Chúa Thánh Thần được ban cho các Tông đồ

Biến cố Chúa Thánh Thần hiện xuống trong ngày lễ Ngũ Tuần là một bước ngoặt quan trọng trong Hội Thánh, vì Hội Thánh được khai sinh dưới tác động của Chúa Thánh Thần. Người biến đổi các tông đồ thành những con người mới, vững mạnh trong lòng tin, hiểu biết sâu xa về Đức Giêsu (xc. Ga 16,18), sống thánh thiện, khôn ngoan và trở thành những nhân chứng nhiệt thành.

b. Chúa Thánh Thần trong Hội Thánh

Chúa Thánh Thần luôn soi sáng, hướng dẫn Hội Thánh, để Hội Thánh trung thành với giáo lý của Đức Giêsu. Người xây dựng và thánh hoá Hội Thánh, ban sức sống cho Hội Thánh và hợp nhất các tín hữu.

c. Chúa Thánh Thần nơi tín hữu

Chúa Thánh Thần giúp người Kitô hữu đón nhận chân lý của Thiên Chúa, giáo huấn của Đức Giêsu ; Người làm cho ý chí chúng ta được kiên định, khao khát điều lành, xa lánh điều xấu, nâng đỡ tình trạng yếu hèn của chúng ta *“Thần Khí cầu thay nguyện giúp chúng ta bằng những tiếng rên siết khôn tả...”* (Rm 8,26) ; Người ngự trong tâm hồn và biến tâm hồn chúng ta thành đền thờ của Thiên Chúa.

6. Các ơn Chúa Thánh Thần

a. Đặc sủng

Là ơn ban cho mỗi người mỗi cách để chu toàn trách nhiệm Thiên Chúa trao ban trong cuộc sống như: kiên nhẫn trong đau khổ, quảng đại đối với người túng thiếu...

b. Bảy ơn Chúa Thánh Thần

Đây là những ơn ngôn sứ Isaia đề cập đến: khôn ngoan, trí hiểu, lo liệu, suy biết, sức mạnh, đạo đức và kính sợ Thiên Chúa.

c. Đoàn sủng

Là những ơn đặc biệt nhằm mục đích xây dựng cộng đoàn như: Sự hướng dẫn khôn ngoan của các vị lãnh đạo, việc diễn giải biệt tài cho các tín hữu... như vậy, ơn Chúa Thánh Thần nhằm Thánh hoá và Trợ giúp người Kitô hữu .

Tóm kết

Có thể nói sứ mạng của Đức Giêsu và của Chúa Thánh Thần luôn liên kết với nhau và không thể tách rời. Chúa Cha đã dùng đầu Thánh Thần mà xúc trên Đức Giêsu trong nghi thức tấn phong Người làm Đấng Kitô.

Và khi phải từ bỏ thế gian mà về bên Cha, Đức Giêsu đã xin Cha gửi Thánh Thần đến làm Đấng Bảo Trợ, hướng dẫn và giúp các môn đệ nhớ lại những Người đã truyền dạy.

Câu hỏi gợi ý

Bạn hãy cho biết Chúa Thánh Thần soi sáng và nâng đỡ bạn trong cuộc sống hàng ngày như thế nào ?

Bài 15

HỘI THÁNH TRONG CHƯƠNG TRÌNH CỨU ĐỘ

1. Danh xưng và biểu tượng

a. Danh Xưng

Hội Thánh nghĩa là một cuộc tập hợp dân chúng, thường có tính cách tôn giáo. Trong Cựu ước, sau khi được giải phóng khỏi ách nô lệ Ai Cập, dân Israel tập hợp ở núi Sinai để nhận lề luật và được Thiên Chúa thiết lập như dân thánh của Người.

Khi tự xưng là Hội Thánh, cộng đoàn tín hữu tiên khởi nhìn nhận mình là thừa kế của cộng đoàn Dân Chúa trong Cựu Ước.

Trong ngôn ngữ Kitô giáo, từ Hội Thánh chỉ :

- Cuộc tập hợp Phụng vụ (xc. 1 Cr 11,18). Nhưng cũng là một cộng đồng địa phương, hay cũng là cộng đồng các tín hữu hoàn cầu.

Thực ra, ba nghĩa này không thể tách rời nhau. Hội Thánh là dân được Thiên Chúa được qui tụ từ khắp cả hoàn cầu. Hội Thánh hiện diện trong những cộng đoàn địa phương và thể hiện như một cộng đoàn phụng vụ, đặc biệt là cộng đoàn Thánh lễ.

b. Biểu tượng

- Thánh Kinh đã dùng nhiều loại hình ảnh biểu tượng để diễn tả Hội Thánh:
- Hội Thánh là đoàn chiên của Thiên Chúa.
- Hội Thánh là công trình xây dựng của T.C (xc. 1 Cr 3, 9).
- Hội Thánh là nhà Thiên Chúa (xc. 1 Tm 3,15)
- Hội Thánh là Giêrusalem trên trời (xc. Gl 4, 26).

2. Nền tảng và sứ mạng của Hội Thánh

a. Hội Thánh trong ý định của Thiên Chúa Cha

Vì tình thương, Thiên Chúa đã tạo dựng vũ trụ, và cho con người được tham dự vào cuộc sống thần linh, làm thành gia đình của Thiên Chúa. Gia đình này được cấu tạo và thể hiện dần dần theo dòng lịch sử, theo sự an bài của Chúa Cha.

b. Hội Thánh được chuẩn bị trong Cựu Ước

Cuộc triệu tập dân Chúa đã được khởi đầu ngay từ lúc tội lỗi tiêu diệt sự hiệp thông giữa con người với Thiên Chúa và giữa con người với nhau. Trước hết, Thiên Chúa tuyển chọn ông Apraham, sau đó là tuyển chọn Israel như dân của Người (xc. St 12,2). Các ngôn sứ loan báo một giao ước mới vĩnh cửu. Đó là Giao Ước mà Đức Giêsu thiết lập.

c. Hội Thánh được Đức Giêsu thiết lập

Đức Giêsu khởi đầu Hội Thánh bằng việc rao giảng Tin Mừng và qui tụ những ai tin vào Người. Trước hết, Người tuyển chọn 12 Tông đồ thay thế cho 12 chi tộc Israel, họ được gọi là những tảng đá Giêrusalem mới. Sự

khai nguyên và phát triển Hội Thánh được biểu thị bằng máu và nước chảy ra từ cạnh sườn Đức Giêsu chịu đóng đinh (DV 3).

d. Hội Thánh được Chúa Thánh Thần giới thiệu

Trong ngày lễ Ngũ Tuần, Chúa Thánh Thần được gửi đến để thánh hoá Hội Thánh luôn mãi. Người trang bị và hướng dẫn Hội Thánh bằng những ơn theo phẩm trật và các đoàn sủng (xc. DV 4).

3. Mẫu nhiệm Hội Thánh

Hội Thánh ở trong lịch sử đồng thời lại vượt trên lịch sử. Chỉ với con mắt đức tin chúng ta mới có thể nhìn ra nơi những thực tại hữu hình của Hội Thánh, một thực tại thiêng liêng đầy sức sống thần linh.

a. Hội Thánh vừa hữu hình vừa thiêng liêng

Hội Thánh đồng thời là :

- Xã hội có phẩm trật và nhiệm thể Đức Kitô
- Tập hợp hữu hình và cộng đoàn linh thiêng

Như vậy, Hội Thánh có đặc tính vừa nhân loại vừa thần linh, vừa hữu hình vừa hàm chứa những thực tại vô hình.

b. Hội Thánh: Bí tích phổ quát về ơn cứu độ

Trong Đức Kitô, Hội Thánh là bí tích, nghĩa là dấu hiệu và dụng cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại (xc. LG 8). Mục đích đầu tiên của Hội Thánh là trở thành bí tích của sự kết hiệp mật thiết con người với Thiên Chúa. Vì sự hiệp thông giữa con người với nhau bắt nguồn từ sự kết hiệp với Thiên Chúa, nên Hội Thánh cũng là bí tích hiệp nhất của nhân loại.

4. Hội Thánh: Dân Thiên Chúa

Toàn thể dân Thiên Chúa tham dự vào ba chức năng : tư tế, ngôn sứ, vương đế của Đức Kitô, mang trách nhiệm thừa sai và phục vụ.

Tư tế : khi gia nhập dân Thiên Chúa nhờ đức tin và bí tích Thánh Tẩy, chúng ta dự vào ơn gọi tư tế.

Ngôn sứ : khi dân thánh đào sâu hiểu biết về đức tin họ trở thành chứng tá cho Đức Kitô giữa thế giới này.

Vương đế : dân Thiên Chúa thể hiện phẩm tính vương đế khi sống ơn gọi phục vụ.

5. Hội Thánh là nhiệm thể của Đức Kitô

- Hội Thánh hiệp thông với Đức Giêsu: Hội Thánh không chỉ qui tụ mà còn hiệp nhất trong một thân mình duy nhất với Đức Kitô.

- Hiệp nhất giữa các phần tử trong cùng một thân thể nhờ sự hợp nhất với Đức Kitô.

- Đức Giêsu là Đầu thân thể : Đức Giêsu là Đầu của thân thể nghĩa là Đầu của Hội Thánh (xc. Cl 1,18)

Hội Thánh là Nhiệm thể của Đức Kitô vì mọi người trong Hội Thánh đều nhờ Chúa Thánh Thần mà được liên kết với Đức Kitô và hiệp nhất với nhau như các chi thể hợp thành thân thể và liên kết với Đầu.

Tóm kết

Hội Thánh là một cộng đoàn hình thành bởi hai yếu tố nhân loại và thần linh, vừa hữu hình, vừa thiêng liêng, vừa là một xã hội có phẩm trật, vừa là Nhiệm Thể Đức Kitô .

Vì thế, chỉ có đức tin, Người Kitô hữu mới thấu hiểu được mầu nhiệm Hội Thánh .

Và Hội Thánh là dấu chỉ hiệp thông, liên kết con người với Thiên Chúa và hiệp nhất những người tin vào Đức Kitô nên một.

Câu hỏi gợi ý

Làm sao chúng ta biết Đức Giêsu luôn luôn điều khiển Hội Thánh? và Người đã làm gì để điều khiển Hội Thánh?

Bài 16

CÁC ĐẶC TÍNH CỦA HỘI THÁNH

Hội Thánh có 4 đặc tính : Duy nhất, Thánh thiện, Công giáo, Tông truyền. Những đặc tính này là hồng ân của Chúa Thánh Thần thông ban và chỉ có thể hiểu biết trọn vẹn nhờ đức tin.

1. Hội Thánh duy nhất

a. Ý nghĩa

Nguồn gốc: Hội Thánh bắt nguồn từ Chúa Ba Ngôi

Do Đấng sáng lập : Đức Giêsu chỉ thiết lập một Hội Thánh trên nền tảng Phêrô và các tông đồ.

Do Chúa Thánh Thần tác động : Vì Người là nguyên lý hiệp nhất Hội Thánh.

Trên nền tảng này, Hội Thánh Duy nhất vì cùng tuyên xưng một đức tin được đón nhận từ các tông đồ, cùng cử hành một nghi lễ phụng thờ Thiên Chúa và cùng hoà hợp trong tình huynh đệ của gia đình Thiên Chúa. Hay nói cách khác : cùng một thủ lãnh, cùng một đức tin, cùng một phép rửa, và cùng một sức sống là các bí tích và kinh nguyện.

Tin Mừng được mở rộng khắp nơi, Dân Thiên Chúa duy nhất qui tụ nhiều dân tộc, nhiều ngôn ngữ, nhiều văn

hoá khác nhau, nhưng mọi tín hữu cùng hiệp nhất trong niềm tin, cùng tuyên xưng một đức tin được đón nhận từ các Tông đồ, cùng phụng thờ Thiên Chúa “*Anh em hãy duy trì sự hiệp nhất mà Thánh Thần đem lại, bằng cách ăn ở thuận hoà gắn bó với nhau*”(Ep 4,3).

Tính đa dạng còn thể hiện ở các đặc sủng và chức vụ khác nhau. Vì thế, trong Hội Thánh, Chúa Thánh Thần ban cho người được ơn nói tiên tri, có người được ơn chữa bệnh, có người được ơn làm phép lạ... nhưng tất cả đều phục vụ cho Hội Thánh, xây dựng nhiệm thể Đức Kitô.

b. Trách nhiệm xây dựng sự hiệp nhất

Đức Kitô chỉ thiết lập một Hội Thánh duy nhất. Tuy nhiên, trong dòng lịch sử, người ta lại chứng kiến tình trạng chia rẽ giữa các người Kitô hữu. Những rạn nứt chính thức trong sự hiệp nhất của Hội Thánh gồm :

Lạc giáo : phủ nhận hay nghi ngờ một chân lý phải tin.

Bội giáo : chối bỏ toàn diện đức tin Kitô giáo.

Ly giáo : từ chối sự tùng phục Đức Giáo Hoàng.

Đức Giêsu chỉ thiết lập một Hội Thánh, nhưng ngày nay có nhiều hệ phái phát xuất từ Công giáo, vì do những bất đồng với Toà Thánh Vatican và những ích kỷ cá nhân. Hiện tại, ngoài Công giáo có ba hệ phái chính:

- *Chính Thống giáo*: phát sinh năm 1054 do sự xung khắc giữa Hội Thánh Đông phương và Tây phương.

- *Tin Lành*: do linh mục Luther, người Đức khởi xướng vào thế kỷ 16 vì những bất đồng với Toà Thánh.

- *Anh giáo*: Bất bình vì ĐGH không cho lấy thêm vợ, vua Henri VIII ly khai Toà Thánh, vào năm 1534.

Đức Giêsu hằng quan tâm cầu nguyện cho sự hiệp nhất của Hội Thánh *“Xin Cha cho tất cả nên một, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha”*(Ga 17,21). Và trách nhiệm của mỗi người Kitô hữu là phải góp phần bảo vệ sự hiệp nhất cũng như tiến tới hiệp nhất Hội Thánh .

2. Hội Thánh thánh thiện

a. Đặc tính thánh thiện của Hội Thánh

Hội Thánh mang đặc tính thánh thiện vì :

- Hội Thánh bắt nguồn từ Thiên Chúa, được liên kết với Thiên Chúa là Đấng Thánh.

- Hội Thánh do Đức Giêsu thiết lập, người là Đầu mà Hội Thánh là thân : *“Đức Giêsu đã yêu thương Hội Thánh và hiến mình vì Hội Thánh”*(Ep 5,25). Hội Thánh trở nên thánh thiện nhờ sự thánh thiện của Đức Giêsu: *“Anh em hãy nên hoàn thiện, như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện”*(Mt 5,48).

- Mục đích của Đức Giêsu khi thiết lập Hội Thánh là muốn cho mọi người được cứu rỗi. Chúa đã thánh hoá Hội Thánh bằng Lời hằng sống và các bí tích nhằm phát triển hoa trái thánh thiện, sinh ơn ích cho mọi tín hữu.

- Hội Thánh luôn được Chúa Thánh Thần làm cho sống động và phát sinh hoa trái thánh thiện, đặc biệt Đức Maria và các thánh nam nữ là thành phần ưu tuyển của Hội Thánh .

b. Vấn đề tội nhân trong Hội Thánh

Hội Thánh là một cộng đoàn gồm những người được Thiên Chúa qui tụ thành dân Chúa. Tuy nhiên, đối với các phần tử trong Hội Thánh, thì sự thánh thiện này chưa đạt được trọn vẹn, vì Hội Thánh vẫn gồm những người thánh thiện và cả người tội lỗi, người lành kẻ dữ. Nên Hội Thánh vừa thánh thiện lại vừa luôn phải sám hối, canh tân. Thánh Phaolô, hơn ai hết, đã ý thức thân phận yếu đuối, dòn mỏng của mình : *“Tôi biết rằng sự thiện không ở trong tôi, nghĩa là trong xác thịt tôi. Thật vậy, muốn sự thiện thì tôi có thể muốn, nhưng làm thì không. Sự thiện tôi muốn thì tôi không làm, nhưng sự ác tôi không muốn, tôi lại cứ làm”*(Rm 7,18-20).

Hội Thánh luôn kêu gọi con cái thanh tẩy không ngừng cho đến ngày tận thế. Sự cố gắng không ngừng này làm phát sinh những “vị thánh” trong Hội Thánh.

3. Hội Thánh Công giáo

a. Ý nghĩa

Từ “Công giáo” ở đây có nghĩa là phổ quát, bao gồm tất cả, toàn thể, và được áp dụng cho Hội Thánh theo hai hướng : Hội Thánh mang tính công giáo vì Đức Kitô hiện diện trong Hội Thánh, và vì Đức Kitô hiện diện, nên Hội Thánh có “đầy đủ phương tiện cứu rỗi” ; đồng thời Hội Thánh là công giáo vì Hội Thánh được Đức Kitô sai đến với toàn thể nhân loại (xc. Mt 28,19).

Tất cả mọi người thuộc đều được mời gọi vào sự hiệp nhất công giáo của Hội Thánh:

- Trước hết là các tín hữu Công giáo.
- Thứ đến là những người tin vào Đức Kitô.
- Sau cùng là tất cả mọi người được Thiên Chúa an bài để thuộc về dân Người.

b. Sứ mạng truyền giáo

Trước khi về trời, Đức Kitô đã truyền lệnh cho các tông đồ đi rao giảng Tin Mừng cho muôn dân. Mệnh lệnh ấy bắt nguồn cách sâu xa từ tình yêu của Thiên Chúa dành cho nhân loại. Tình yêu cứu độ muốn đưa tất cả mọi người vào sự hiệp thông với Ba Ngôi Thiên Chúa. Tình yêu ấy trở thành động lực thúc đẩy Hội Thánh dẫn mình vào công cuộc truyền giáo, như thánh Phaolô tâm sự “*Tình yêu Đức Kitô thúc bách tôi*” (2 Cr 5,14). Chính vì sứ mệnh “phổ quát” tức là tính “Công giáo” của mình, Hội Thánh phải luôn luôn loan báo Tin Mừng cho mọi dân tộc.

Do đó, truyền giáo trở thành một sứ vụ khẩn thiết và là hàng đầu của Hội Thánh: “*Hội Thánh lẽ hành tụt bản chất là truyền giáo*” (TG 2).

4. Hội Thánh Tông truyền

Hội Thánh là tông truyền theo ba ý nghĩa căn bản :

- Vì Đức Kitô thiết lập Hội Thánh kiên vững “*trên nền tảng các Tông đồ*”(Ep 2,20).
- Vì Hội Thánh bảo vệ và truyền thông sứ điệp và chứng tá của các tông đồ (Mt 28,19-20)
- Vì Hội Thánh được giáo huấn, thánh hoá, và hướng dẫn nhờ các đấng kế vị các tông đồ.

Các tông đồ được Chúa Phục sinh sai đi : trước hết đến với con cái Israel, rồi đến với mọi dân tộc. Nhờ tham dự vào

quyền năng của Đức Kitô, các ông làm cho muôn dân trở nên môn đệ của Người cùng thánh hoá, lãnh đạo họ, như vậy mở rộng Hội Thánh Người. Các ông trông nom săn sóc Hội Thánh dưới sự hướng dẫn của Chúa mọi ngày cho đến tận thế (xc. Mt 28, 20).

Nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần ở trong mình, Hội Thánh bảo vệ giáo huấn lành mạnh của các tông đồ. Giáo huấn đó làm nên kho tàng phong phú của đức tin.

Hội Thánh tiếp tục được các tông đồ giảng dạy, thánh hoá và hướng dẫn cho đến khi Đức Kitô trở lại, nhờ những vị kế nhiệm các Người trong nhiệm vụ mục tử là các giám mục, hiệp nhất với Đấng kế nhiệm thánh Phêrô là mục tử tối cao của Hội Thánh *“nhờ những vị các tông đồ đặt làm Giám mục, và nhờ những đấng kế vị các Người cho tới ngày nay, truyền thống tông đồ được biểu lộ và duy trì trên khắp thế giới”* (DV 20). Đức Giêsu đã đào tạo các tông đồ theo hình thức cộng đoàn mà Người đã đặt Phêrô, một người được chọn giữa các ngài, làm thủ lãnh (DV 19).

Đức tin mà Hội Thánh tuyên xưng hôm nay và mãi mãi là chính đức tin của các tông đồ truyền lại. Với sự trợ lực của Chúa Thánh Thần, Hội Thánh gìn giữ và truyền đạt lời giáo huấn nghe được từ các Tông đồ. Như lời thánh Phaolô nhắn nhủ Timôthê : *“Với đức tin và đức mến của một người được kết hợp với Đức Kitô Giêsu, anh hãy lấy làm mẫu mực những lời lành mạnh anh đã nghe tôi dạy. Giáo lý tốt đẹp đã giao phó cho anh, anh hãy bảo toàn, nhờ có Thánh Thần ngự trong chúng ta”*.

Theo truyền thống, Hội Thánh được miêu tả theo bốn đặc tính căn bản : duy nhất, thánh thiện, công giáo, tông truyền. Mỗi đặc tính này vừa là một hồng ân vừa là một nhiệm vụ liên kết Hội Thánh với Đức Kitô.

Bài 17

TỔ CHỨC HỘI THÁNH

Trong tổ chức Hội Thánh mọi người đều được gọi là Kitô hữu hay tín hữu. *“Giữa các tín hữu có các thừa tác viên có chức thánh được gọi là giáo sĩ, còn các người khác được gọi là giáo dân. Trong cả hai thành phần vừa kể, có những tín hữu tận hiến cho Thiên Chúa cách đặc biệt trong các Hội Dòng tận hiến, được gọi là tu sĩ”*(GL. 207).

1. Phẩm trật trong Hội Thánh

Đức Giêsu đã thiết lập cộng đoàn mười hai Tông đồ và đặt thánh Phêrô đứng đầu. Các giám mục kế vị các Tông đồ cùng họp thành giám mục đoàn, có Đức Giáo Hoàng kế vị thánh Phêrô làm đầu. Đức Giáo Hoàng *“là nguyên lý và nền tảng hữu hình và vĩnh cửu của sự hiệp nhất giữa các giám mục cũng như đông đảo các tín hữu”*(LG 23).

Các giám mục theo phần mình cũng là nguyên lý và nền tảng hữu hình của sự hiệp nhất trong Hội Thánh ở địa phương mình. Các ngài được các linh mục và phó tế trợ giúp, giám mục là thành viên trong giám mục đoàn, nên không những phải điều khiển tốt Hội Thánh ở địa phương mình, mà còn phải quan tâm đến tất cả các Hội Thánh địa phương khác nữa (LG 23).

Các giáo sĩ gồm giám mục, linh mục, và phó tế. Các ngài được chọn lựa và thiết lập để bảo đảm cho dân Thiên Chúa có các chủ chăn và được tăng trưởng không ngừng. Các ngài hành động nhân danh Đức Giêsu là Đầu, nhận lãnh tác vụ và quyền bính để phục vụ như *“tôi tớ của Đức Giêsu”*, và thi hành tác vụ mình trong một cộng đoàn. Sau hết mỗi vị cũng hành động với tư cách cá nhân, chịu trách nhiệm cá nhân trước Đấng đã kêu gọi và trao quyền.

2. *Sứ mạng của Hội Thánh*

a. *Giảng dạy*

Sứ mạng Huấn quyền gắn liền với đặc tính chung cuộc của Giao Ước do Thiên Chúa thiết lập trong Đức Kitô với dân Người. Huấn quyền bảo vệ dân Chúa khỏi những sai lạc và khiếm khuyết, đồng thời bảo đảm cho dân khả năng khách quan để tuyên xưng không sai lầm đức tin chân chính (Sách GLHTCG, số 890).

b. *Thánh hoá*

Giám mục và linh mục thánh hoá Hội Thánh bằng kinh nguyện và việc làm, bằng thừa tác vụ lời Chúa và các bí tích, bằng gương sáng *“đừng lấy quyền mà thống trị những người Thiên Chúa đã trao phó cho”* (1 Pr 5,3).

c. *Cai quản*

Hội Thánh nối tiếp nhiệm vụ mục tử của Đức Giêsu trao cho các Tông đồ : *“Hãy chăn dắt chiên của Thầy”* (Ga 21,15) qua việc lãnh đạo các tín hữu. Theo gương Đức Giêsu thủ lãnh, quyền lãnh đạo trong Hội Thánh là để *“phục vụ mọi người”*.

3. Giáo dân và sứ mệnh

Giáo dân là toàn bộ các Kitô hữu không thuộc thành phần có chức thánh hoặc tu sĩ, họ được tháp nhập với Đức Giêsu nhờ bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức, hội nhập vào dân Thiên Chúa, được tham dự chức năng tư tế, ngôn sứ và vương đế của Đức Kitô theo cách thức riêng mình. Giáo dân thực thi sứ mệnh của toàn Dân Thiên Chúa trong Hội Thánh và thế giới *“Ôn gọi riêng của giáo dân là tìm kiếm Nước Thiên Chúa bằng cách làm các việc trần thế và xếp đặt chúng theo ý Thiên Chúa”*(LG 31).

- Tham gia vào chức vụ ngôn sứ của Đức Giêsu bằng việc Phúc Âm hoá, *“nghĩa là loan báo Đức Giêsu bằng đời sống chứng tá và bằng lời nói”*. Đặc biệt trong đời sống hôn nhân gia đình, trong sinh hoạt nghề nghiệp và những dân thân xã hội khác... (xc. LG 35).

- Tham dự vào chức vụ tư tế cộng đồng của Đức Giêsu, để làm cho *“mọi hoạt động, kinh nguyện, công việc tông đồ, đời sống hôn nhân và gia đình, việc làm ăn thường ngày... trở nên hiến tế thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa nhờ Đức Giêsu Kitô”*(LG 34).

- Tham dự vào chức vụ vương giả của Đức Giêsu, khi họ *“chiến thắng ách thống trị của tội lỗi nơi mình, bằng một đời sống từ bỏ mình và thánh thiện”*(LG 36).

4. Đời sống thánh hiến

Đây là bậc sống được thiết lập do việc tuyên khấn các lời khuyên của Tin Mừng, tuy không liên quan cơ cấu phẩm trật của Hội Thánh, nhưng cũng gắn chặt với đời sống và sự thánh thiện của Hội Thánh (xc. LG 44).

a. Đời sống ẩn tu

Các vị ẩn tu không tuyên khấn công khai giữ ba lời khuyên Tin Mừng, nhưng hiến dâng cuộc đời để ca tụng Thiên Chúa và cứu độ thế giới bằng việc sống tách biệt khỏi trần thế, trong tinh lặng cô tịch, trong cầu nguyện liên lỉ và hãm mình (GL. 603).

b. Các trinh nữ

Là những tín hữu được Chúa mời gọi sống trọn vẹn gắn bó với Người để tất cả trái tim, thân xác và tinh thần được tự do hơn, họ đã quyết định sống trong bậc đồng trinh vì Nước Trời.

c. Đời sống dòng tu

Là những người tự nguyện tuyên khấn công khai giữ các lời khuyên Tin Mừng, sống chung với nhau trong tình huynh đệ, làm chứng về sự hiệp nhất giữa Đức Giêsu và Hội Thánh (xc. GL 607).

d. Các tu hội đời

Là tu hội sống đời thánh hiến, trong đó các tín hữu sống các lời khuyên Tin Mừng giữa đời để tiến tới Đức Ái toàn hảo, và nỗ lực góp phần thánh hoá đời, nhất là từ bên trong (GL 710), theo kiểu men trong bột.

e. Các tu đoàn tông đồ

Cũng là hội dòng tận hiến nhưng không có lời khấn dòng và chỉ theo đuổi mục tiêu tông đồ riêng của tu đoàn.

Họ sống chung trong tình huynh đệ theo lối sống đặc thù của họ, và tiến tới đức ái trọn hảo bằng việc tuân giữ hiến pháp của tu đoàn (xc. GL 731).

Đời thánh hiến xuất hiện như dấu chỉ đặc biệt của mẫu nhiệm Cứu Độ, và dấu chứng tá của đời sống ấy có công khai hay kín đáo hoặc bí ẩn nữa, thì việc Đức Kitô quang lâm vẫn là cội nguồn và là Vững Đông cho cuộc sống thánh hiến của họ (xc. LG 44).

Bài 18

MẪU NHIỆM CÁC THÁNH HIỆP THÔNG

Khi dâng Thánh lễ, bao giờ cộng đoàn tín hữu cũng dâng lời cầu nguyện cho Hội Thánh tại thế, đồng thời hướng tâm hồn đến những anh chị em tín hữu đã qua đời và cộng đoàn các thánh trên trời. Cử chỉ ấy diễn tả cách gần gũi và sâu sắc mẫu nhiệm Các Thánh Cùng Thông Công được tuyên xưng trong Kinh Tin Kính.

1. Hiệp thông ân huệ thiêng liêng

Sách Công vụ Tông đồ mô tả sinh hoạt của cộng đoàn Kitô hữu đầu tiên *“Họ chuyên cần nghe các Tông đồ giảng dạy, hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh và cầu nguyện không ngừng... tất cả các tín hữu hiệp nhất với nhau, để mọi sự làm của chung”*(Cv 2,42-44). Cộng đoàn ấy là mẫu mực của một Hội Thánh sống mẫu nhiệm hiệp thông :

- Trên con đường lữ thứ tiến về cuộc sống vĩnh cửu, các tín hữu hiệp thông với nhau trong đức tin, dựa vào giáo huấn của các Tông đồ.

- Trong cuộc sống hàng ngày, họ liên đới và nâng đỡ nhau trong đức ái, chia sẻ với nhau của cải vật chất, đến nỗi *“không ai phải thiếu thốn”*(Cv 4,34) và cả của cải

thiên liêng, vì “*Nếu một bộ phận nào đau thì mọi bộ phận cùng đau...*”(1 Cr 12,26).

- Họ còn hiệp thông với nhau trong đời sống bí tích, đặc biệt là bí tích Thánh Thể, bí tích dưỡng nuôi và hoàn thiện mối hiệp thông trong Hội Thánh .

- Ngoài ra, họ cũng hiệp thông trong cầu nguyện, nhờ lãnh nhận các ân huệ Thánh Thần nhưng mọi ân huệ đều nhằm xây dựng lợi ích chung (xc. 1 Cr 12,17).

Vì thế, Hội Thánh sống mãi nhiệm hiệp thông :

- Hiệp thông trong đức Tin
- Hiệp thông trong đức Ái
- Hiệp thông trong đời sống bí tích
- Hiệp thông trong cầu nguyện

2. Hiệp thông giữa các thánh

Trong cùng một Hội Thánh “*có những kẻ còn tiếp tục cuộc hành trình nơi trần thế, có những kẻ đã hoàn tất cuộc sống này và đang được tinh luyện, và có những kẻ được hiển vinh, đang chiêm ngưỡng rõ ràng chính Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi như Ngài hằng có*” (LG 49). Nhưng dù ở tình trạng nào, tất cả đều chia sẻ cùng một lòng yêu mến Thiên Chúa, và tha nhân, cùng là môn đệ Đức Giêsu và được Thánh Thần hướng dẫn nên tất cả họp thành một Hội Thánh duy nhất và liên kết với nhau trong Người.

Chính vì thế, người Kitô hữu hướng tâm hồn lên Đức Maria, các thiên thần và toàn thể các Thánh trên

trời. Hướng lên các ngài để “ngắm nhìn đời sống những người đã trung thành bước theo Đức Giêsu và khám phá ra một lý do mới thúc đẩy ta tìm kiếm Thành Thánh tương lai”(DV 50). Đồng thời xin các ngài cầu thay nguyện giúp vì “các Thánh không ngừng cầu bầu cho ta bên Chúa Cha...(Cl 1,24). Và “với tình huynh đệ các ngài lo lắng giúp đỡ chúng ta rất nhiều vì chúng ta yếu hèn”(DV 49).

3. Sống màu nhiệm hiệp thông

Noi gương cộng đoàn tín hữu đầu tiên, người Kitô hữu cần thể hiện tinh thần hiệp thông ngay trong cộng đoàn mình đang sống, qua cử hành phụng vụ, qua sự đoàn kết yêu thương, qua sự chia sẻ của cải thiêng liêng cũng như vật chất. Cuộc sống hiệp thông đó của cộng đoàn cũng là phương cách tốt nhất để giới thiệu và làm chứng cho Tin Mừng Đức Giêsu “Ở điểm này, mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ Thầy : là anh em có lòng yêu thương nhau”(Ga 13,35).

Tóm lại

- Trong cuộc sống hàng ngày, các tín hữu cần phải liên đới và nâng đỡ nhau trong đức tin, đồng thời chia sẻ và giúp nhau trong tinh thần đức ái.

- Các tín hữu sống trên trần gian hiệp thông với các thánh trên trời bằng cách theo gương và cầu khẩn các ngài.

- Các tín hữu còn sống hiệp thông với các tín hữu đã qua đời còn đang thanh luyện bằng hy sinh và cầu nguyện giúp họ sớm được hạnh phúc với Thiên Chúa và sau này trên thiên quốc, họ lại cầu cùng Chúa cho ta.

Bài 19

ĐỨC MARIA LÀ MẸ HỘI THÁNH

Đức Maria là Mẹ Đức Giêsu, Mẹ Hội Thánh và Mẹ mỗi người Kitô hữu trên bình diện ân sủng. Đức Maria là mẫu gương cho chúng ta về các nhân đức đối thần: Tin, Cậy, Mến.

1. Đức Maria : Mẹ Hội Thánh

Đức Maria trở thành Mẹ của Ngôi Lời nhập thể qua lời thưa *xin vâng* trong ngày truyền tin. Đức Maria đã giữ trọn lời *xin vâng* ấy trong cuộc lữ hành đức tin. Mẹ đã trung thành và hiệp nhất với Con của Mẹ từ biến cố nhập thể cho đến bên thập giá, để thông phần trong hy lễ của Con. Và lời xin vâng của Mẹ tiếp tục để cho Thánh Ý Chúa được thể hiện khi sẵn lòng đón nhận lời trần trối của Con: “*Này bà, đây là con bà*” (Ga 19,26).

Sau khi Chúa chịu chết, sống lại và lên trời, Mẹ đã ở cùng các môn đệ, cùng các ông cầu nguyện xin Thiên Chúa ban Thánh Thần, là Đấng đã bao phủ lấy Mẹ trong ngày truyền tin : “*Tất cả các ông đều đồng tâm nhất trí chuyên cần cầu nguyện cùng với bà Maria, thân mẫu Đức Giêsu*”(Cv 1,14).

“Sau cùng, được gìn giữ tinh sạch khỏi mọi vết tội nguyên tổ, và sau khi hoàn tất cuộc đời dưới thế, Đức

Trinh Nữ Vô Nhiễm đã được đưa lên hưởng vinh quang trên trời cả hồn lẫn xác, và được Thiên Chúa tôn vinh làm Nữ Vương vũ trụ, để nên giống Con Mẹ trọn vẹn hơn, là Chúa các Chúa (x. Kh 19,16), Đấng đã chiến thắng tội lỗi và sự chết” (LG 59).

Được lên trời cả hồn và xác, Đức Maria là người đầu tiên được tham dự vào cuộc Phục Sinh của Con Mẹ, và như vậy Mẹ là dấu chỉ báo trước và bảo đảm cho các Kitô hữu được sống lại với Đức Giêsu.

2. Đức Maria : Mẹ chúng ta

Đức Maria là người Kitô hữu mẫu mực về đức Tin và đức Ai cho Hội Thánh. Do đó, người Kitô hữu nhận Đức Maria làm mẹ, để noi gương các nhân đức của Mẹ trên hành trình đức tin.

Trong Hội Thánh, Đức Maria được gọi dưới nhiều tước hiệu như : Nữ trạng sư, Vị bảo trợ, Đấng phù hộ... và phụng vụ đã dành mười năm lễ trong niên lịch phụng vụ để mừng kính các tước hiệu của Mẹ, như lời nhắc nhở con cái dõi theo gương Mẹ và xin Mẹ cầu bầu cùng Chúa trợ giúp cho đến khi đạt tới hạnh phúc quê trời.

*** Những đặc ân của Đức Maria**

Thiên Chúa đã chọn Đức Maria làm mẹ sinh ra Đấng Cứu Thế và cộng tác với Người trong việc cứu chuộc nhân loại. Để xứng đáng với địa vị và sứ mạng cao cả đó, Thiên Chúa đã ban cho Mẹ nhiều đặc ân :

a. Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội

Đức Piô IX công bố năm 1854, Hội Thánh mừng lễ ngày 08.12.

b. Đức Maria Trọn Đời Đồng Trinh

Các công đồng Constantinople II (553), Latêranô IV (1215), Lyon II (1274) đều tuyên bố rằng Đức Maria “trọn đời đồng trinh”.

c. Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa

Công đồng Êphêxô công bố năm 431, Hội Thánh mừng lễ ngày 01.01.

d. Đức Maria Hồn Xác Lên Trời :

Đức Piô XII công bố năm 1950, Hội Thánh mừng lễ ngày 15.08.

3. Việc tôn kính Đức Maria

Ngay từ những thế kỷ đầu, Đức Maria đã được tôn kính với các tước hiệu là Mẹ Thiên Chúa và các tín hữu đã thường xuyên chạy đến kêu cầu danh Mẹ trong những lúc gặp nguy nan, thử thách... Hội Thánh luôn dành cho Đức Maria lòng yêu mến và tôn kính rất đặc biệt, vượt trên các thiên thần, các thánh. “*Từ nay hết mọi đời, sẽ khen tôi diễm phúc, Đấng Toàn Năng đã làm cho tôi biết bao điều cao cả*” (Lc 1,48-49).

Trong tiệc cưới Cana, Đức Maria đưa con người đến với Thiên Chúa, và giúp họ thực hiện ý Thiên Chúa (xc.

Ga 2,1-11). Ngày nay trên thiên quốc, Đức Maria vẫn tiếp tục công việc đó. Người nâng đỡ, chuyển cầu để chúng ta được ơn cứu độ. Vì thế, với lòng tôn kính và yêu mến Đức Maria, người Kitô hữu luôn bày tỏ lòng hiếu thảo với Mẹ Maria qua lời kinh Mân Côi, thậm chí Hội Thánh còn dành cả tháng 10 cho việc sùng kính này ; đặc biệt, mỗi tháng 05 về, là dịp đoàn con thảo lại dâng cho Mẹ những cánh hoa của lòng biết ơn, tin tưởng...

Tóm kết

Đức Maria là phần tử ưu tú của Hội Thánh, là hình ảnh mẫu mực Hội Thánh tại thế vươn tới. Mẹ đã được Thiên Chúa ban thưởng nhiều đặc ân như Vô nhiễm nguyên tội, Mẹ Thiên Chúa, lên trời cả hồn lẫn xác, ... Nên Đức Maria xứng đáng là Mẹ Hội Thánh và Mẹ mỗi tín hữu chúng ta.

Bài 20

ƠN PHỤC SINH VÀ ĐỜI SỐNG VĨNH CỬU

Những lời sau cùng trong bản kinh Tin Kính chúng ta xác tín: “*Tôi trông đợi kẻ chết sống lại và sự sống đời sau*”. Chúng ta vững tin và hy vọng chắc chắn rằng: Đức Giêsu Kitô đã thực sự phục sinh từ cõi chết, lên trời và sống vĩnh cửu bên hữu Chúa Cha, thì sau khi chết, những người công chính đã tin tưởng vào Đức Giêsu Kitô cũng được Chúa Cha cho sống lại vào ngày sau hết, để chung sống với Đức Giêsu mãi mãi.

1. Ý nghĩa của sự chết theo Kitô giáo

Chết là một sự thật hiển nhiên không ai có thể phủ nhận. Xong chỉ có thân xác hư nát phải chết, còn linh hồn bất tử. Chết là hậu quả của tội lỗi, cái chết nằm ngoài ý định của Thiên Chúa khi tạo dựng. Khi vào trần gian, Đức Giêsu đã chấp nhận cái chết theo Thánh Ý Cha, để biến đổi ý nghĩa của sự chết. Trong niềm tin, chúng ta xác tín :

- Chết là một mối lợi (xc. Pl 1,21), vì được ở với Đức Giêsu, theo nghĩa hiệp thông trọn vẹn với Người.

- Chết là sự sống được biến đổi : “Ai tin Đức Kitô thì khi chết, sự sống không bị tiêu huỷ mà được biến đổi để họ về hưởng hạnh phúc vĩnh cửu trên trời”.

Nhờ Đức Kitô, cái chết đã mang một ý nghĩa tích cực: *“Đối với tôi, sống là Đức Kitô và chết là một mối lợi”*(Pl 1,21). Đây là điều đáng tin cậy, *“Nếu ta cùng chết với Người, ta sẽ sống lại với Người”*(2 Tm 2,11).

Do đó, với cái nhìn của Kitô giáo, thì sự sống thay đổi chứ không mất đi, và khi nơi trú ngụ dưới trần bị hủy diệt, chúng ta được về hưởng hạnh phúc vĩnh cửu trên quê trời. Như thế, chết chỉ là kết thúc cuộc lữ hành trần thế, để đưa con người vào cuộc sống mới trong Đức Kitô.

2. Sự sống lại của Đức Giêsu Kitô và của chúng ta

Trong kinh Tin Kính, người Kitô hữu tuyên xưng: *“Tôi tin xác loài người sẽ sống lại”*. Lời xác tín ấy dựa vào lời tuyên bố của Đức Giêsu: *“Ta là sự sống lại và là sự sống. Ai tin vào ta thì dù có chết cũng sẽ được sống”*(Ga 11,25). Và chỗ khác Đức Giêsu nói: *“Ai ăn thịt Ta và uống Máu Ta thì có sự sống đời đời”*(Ga 6,54). Hơn nữa, Đức Giêsu đã làm những phép lạ cho người chết sống lại (xc. Lc 7,11-17) nhưng phép lạ này là dấu chỉ loan báo sự sống lại của Người, vì sự sống lại không có nghĩa là Người trở về đời sống như trước, nhưng sau khi chết, hồn lìa xác, xác Người được an táng, ngày thứ ba Người sống lại với “xác vinh hiển” để được sống vĩnh cửu.

- Sự sống lại của ta là gì ? Khi chúng ta chết, hồn lìa xác, xác bị hư nát, hồn gặp Đức Giêsu để được phán xét và nhận thưởng phạt, rồi đến ngày sau hết hồn được hiệp nhất với xác và được biến đổi do quyền năng phục sinh của Đức Giêsu.

- Ai sẽ sống lại ? Tất cả những ai đã chết, tuy nhiên không phải tất cả được vào Nước Trời, vì “*ai đã làm điều lành thì sẽ sống lại để được sống, ai đã làm điều dữ thì sẽ sống lại để bị kết án*”(Ga 5,29).

- Sống lại như thế nào ? Sống lại với xác riêng của mình nhưng được biến đổi thành “*xác có thần khí*”(1 Cr 15,44) không hư nát. Còn chuyện sống lại bằng cách nào thì vượt quá trí tưởng tượng và hiểu biết của ta.

- Sống lại khi nào ? Sống lại vào ngày sau hết. Ngày Đức Giêsu quang lâm (1 Tx 4,16).

3. Phán xét riêng

Đức Giêsu là Đấng cứu độ nên Chúa Cha trao cho Người quyền xét xử để thưởng phạt ngay sau khi con người chết, dựa vào dụ ngôn “*người giàu và anh nghèo Ladarô*” (xc. Lc 16,22). Vì thế, sau khi chết, mỗi người được phán xét riêng tùy theo việc họ sống hiệp thông với Đức Giêsu, để được hiệp thông với Thiên Chúa, với mọi người và vũ trụ vạn vật. Họ sẽ được thưởng hay chịu phạt ; hoặc là chịu thanh luyện. Hoặc được hưởng hạnh phúc Nước Trời, hoặc chịu phạt đời đời.

4. Thiên đàng

Những người đã chết trong ơn nghĩa Chúa và được thanh luyện toàn hảo thì được ở với Đức Kitô muôn đời, nghĩa là được vào Nước Trời. Trời không phải ở bên trên tầng xanh nhưng là một tình trạng, “*một cuộc sống hiệp thông trong sự sống và tình yêu với Thiên Chúa Ba ngôi, với Đức Maria, các thiên thần và tất cả mọi người lành*”

thánh”. Đó là cùng đích tối hậu, là sự hoàn thành mọi khát vọng sâu xa nhất của con người, là tình trạng hạnh phúc tuyệt vời và dứt khoát.

5. Luyện ngục

Những người đã chết trong ơn nghĩa Chúa thì chắc hẳn đã được cứu độ, nhưng nếu chưa được thanh luyện hoàn hảo thì phải được thanh luyện cho thật tinh tuyền. Hội Thánh quen gọi là thanh luyện nơi luyện ngục. Luyện ngục không phải là một nơi nào, nhưng là một tình trạng linh hồn phải thanh luyện.

6. Hoả ngục

Những ai đã hoàn toàn cố tình không muốn hiệp thông với Chúa, là đã tự loại mình ra khỏi hiệp thông với Thiên Chúa và với mọi người lành thánh. Đó là những người cố tình phạm tội nặng, xúc phạm đến Thiên Chúa, đến mọi người khác, đến vũ trụ vạn vật, mà không chút ăn năn hối cải, sau khi chết họ phải ở trong hoả ngục đời đời.

Hoả ngục cũng không phải nơi nào, mà là tình trạng con người luôn cảm nghiệm phải xa cách Thiên Chúa, là sự sống và hạnh phúc mà mình hằng khao khát, xa cách muôn trùng và muôn đời. Thiên Chúa không tiền định cho ai phải vào hoả ngục (xc. DS 397). Người luôn tôn trọng tự do mỗi người, chính mỗi người quyết định số phận vĩnh cửu của mình, nên Hội Thánh mới gọi mỗi người phải sử dụng tự do của mình với tình thần trách nhiệm cao.

7. Phán xét chung

Đến ngày sau hết, tất cả mọi người sẽ sống lại “*người lành cũng như kẻ dữ*”(Cv 24,15). Đức Kitô sẽ đến trong vinh quang để xét xử công khai mỗi người trước tất cả mọi dân nước (xc. Mt 25,32-46)... Phán xét chung sẽ mặc khải cho biết sự công chính của Thiên Chúa toàn thắng những bất công do thụ tạo của Người đã phạm, và tình yêu của Người mạnh hơn sự chết.

8. Trời Mới Đất Mới

Đến thời sau hết, Nước Trời sẽ đạt tới mức hoàn hảo, toàn thể nhân loại và vũ trụ được biến đổi thành “Trời mới đất mới”(2 Pr 3,13).

Đối với con người, sự hiệp thông giữa con người với Thiên Chúa, với nhau và với vạn vật mà Thiên Chúa đã muốn từ khi tạo dựng, và Hội Thánh lễ hành là dấu chỉ và dụng cụ, sự hiệp thông đó nhờ Đức Kitô sẽ đạt tới toàn hảo viên mãn “*không còn chết chóc, khóc lóc, đau khổ nữa*”(Kh 21,4) mà chỉ còn hiệp thông trong hạnh phúc và bình an vĩnh cửu.

Đối với vạn vật cũng được chung hưởng một số phận với những con người công chính, nghĩa là cũng đạt tới cùng đích toàn hảo viên mãn nhờ Đức Kitô, không còn bị ô nhiễm, bị sử dụng vào chuyện xấu, “không phải lệ thuộc vào cảnh hư nát, mà được cùng với con cái Thiên Chúa chung hưởng tự do và vinh quang”(Rm 8,21).

*** Người Kitô hữu cần để tâm đến hai khía cạnh sau :**

- Hạnh phúc đích thật và vĩnh cửu không thể có ở đời này, vì con người mang khát vọng tuyệt đối, nên không có gì ở đời này có thể lấp đầy, không ai có thể mang lại hạnh phúc vĩnh cửu con người. Nhưng chỉ có Đức Giêsu có thể thoả mãn được khát vọng sâu xa nhất của con người, vì chính Người đã chia sẻ thân phận con người, đã chết và sống lại, đã bước vào hạnh phúc vĩnh cửu trong Nước Trời.

- Hạnh phúc đích thật và vĩnh cửu cũng không phải là ảo tưởng, nhưng là một sự thật được Đức Giêsu mặc khải và thể hiện bằng chính cuộc sống của Người.

Tóm kết

Khi chết, hồn lìa khỏi xác, nhưng khi con người sống lại, Thiên Chúa sẽ trả lại sự sống bất diệt cho thân xác đã được biến đổi, bằng cách tái hợp xác với hồn thành một. Như Đức Kitô đã sống lại và sống vĩnh cửu bên hữu Chúa Cha, tất cả những ai tin vào Đức Kitô cũng sẽ sống lại trong ngày sau hết. Do hậu quả của nguyên tội, con người phải chết. Giả như, con người không phạm tội, thì con người đã không phải chết. Vì khi tạo dựng, Thiên Chúa muốn cho con người hưởng hạnh phúc, sống đời đời với Thiên Chúa.

Thế nhưng, dù con người phạm tội, tự chuốc hình phạt sự chết cho mình, nhưng Thiên Chúa vẫn không bỏ mặc, đã cho Con Một xuống làm người, tự nguyện chịu chết cho con người để mang lại cho con người ý nghĩa mới về sự chết...